

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và Kế hoạch năm 2021

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Các tổ máy phát điện, hệ thống công trình và thiết bị được kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng theo kế hoạch, đảm bảo vận hành an toàn, ổn định.

- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: Công tác khoan hầm theo biện pháp thi công khoan nổ đã hoàn thành, đảm bảo an toàn, chất lượng, đạt kế hoạch về tiến độ và khối lượng.

- Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi: Hoàn thành Báo cáo quyết toán dự án; hệ thống thiết bị hoạt động ổn định và đạt hiệu suất cao sau hơn 1,5 năm vận hành.

- Tập thể lãnh đạo và người lao động trong Công ty đoàn kết, có trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp, đáp ứng được yêu cầu công việc.

2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, bất cập như:

- Tình hình thủy văn diễn biến bất thường, không thuận lợi. Đối với hồ Đơn Dương, trong các tháng mùa khô lưu lượng trung bình nước về hồ rất thấp nhưng trong các tháng cuối năm đã xuất hiện 4 cơn lũ đến hồ và phải xả điều tiết 167,55 triệu m³ (dung tích hữu ích 155 triệu m³); Hồ Hàm Thuận, lưu lượng trung bình nước về hồ, thấp hơn cùng kỳ năm 2019 và trung bình nhiều năm (TBNN).

- Do thừa nguồn, nhu cầu phụ tải giảm thấp. Trong 07 tháng mùa khô, Nhà máy Đa Nhim giảm 118,82 triệu kWh do không đưa được mực nước hồ về mực nước thấp nhất theo quy định, các tháng mùa mưa giảm 75,36 triệu kWh không phát được (do quá tải đường dây) và Nhà máy điện mặt trời Đa Mi tiết giảm 418.000 kWh (do hệ thống thừa công suất trong các tháng 11, 12/2020 và có khả năng kéo dài sang năm 2021). Vì vậy, đã làm ảnh hưởng đáng kể đến kế hoạch sản xuất điện, doanh thu và lợi nhuận của Công ty

- Tình trạng thiết bị vẫn còn nhiều tiềm ẩn và xảy ra nhiều hiện tượng bất thường, đặc biệt là hệ thống điều khiển, điều tốc, kích từ, các máy biến áp chính nhà máy Đa Mi; hệ thống điều tốc, kích từ nhà máy Sông Pha. Công ty đang tiến hành thay thế các hệ thống.

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Hiện chưa xác định được Cơ quan chủ quản, thẩm quyền để xin phê duyệt hiệu chỉnh Hợp đồng Tư vấn giám sát, phân bổ dự phòng, gia hạn Hiệp định vay, xác nhận chuyên gia nước ngoài và các nội dung khác liên quan đến công tác thanh quyết toán Dự án... Các khó khăn này Công ty đã báo cáo Tổng công ty Phát điện 1 để xem xét, hỗ trợ.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN

1. Tình hình thủy văn

a) Hồ Đơn Dương: Lưu lượng trung bình nước về hồ là 26,61 m³/s, cao hơn cùng kỳ năm 2019 và TBNN (năm 2019: 20,80 m³/s, TBNN: 22,79 m³/s).

b) Hồ Hàm Thuận: Lưu lượng trung bình nước về hồ là 39,02 m³/s, thấp hơn cùng kỳ năm 2019 và TBNN (năm 2019: 50,11 m³/s; TBNN: 51,05 m³/s), đạt tần suất 85%, thấp nhất trong 10 năm gần đây. Chi tiết như sau:

Nội dung	ĐVT	Hồ Đơn Dương		Hồ Hàm Thuận	
		2019	2020	2019	2020
Lưu lượng nước vào hồ	m ³ /s	20,80	26,61	50,11	39,02
Lưu lượng nước chạy máy	m ³ /s	20,03	20,01	44,72	38,52
Lưu lượng nước xả bình quân	m ³ /s	1,11	5,30	0,85	0,76 (*)
Tổng lượng nước xả qua đập	tr. m ³	35,64	167,55	26,96	24,17 (*)
Mực nước hồ đầu kỳ	m	1041,90	1039,29	597,84	603,21
Mực nước hồ cuối kỳ	m	1039,29	1042,00	603,21	601,70

(*) Xả duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận

2. Công tác sản xuất điện

Kế hoạch (KH) sản lượng năm 2020 là 2.571,12 triệu kWh, thực hiện (TH) 2.515,7 triệu kWh, đạt 97,85% kế hoạch. Chi tiết như sau:

STT	Nội dung	KH 2020	TH 2020	TH 2019	TH/KH (%)	So Sánh 2019 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(4)/(3)	(4)/(5)
1	Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	2.571,1	2.515,7	2.669,7	97,85	94,23
-	Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim mở rộng	1.058,6	1.192,0	1.177,8	112,60	101,21
-	Hàm Thuận - Đa Mi	1.443,0	1.252,2	1.451,4	86,78	86,28

-	Điện mặt trời Đa Mi	69,5	71,5	40,5	102,88	176,54
2	Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)	2.543,1	2.496,5	2.651,1	98,17	94,17
-	Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim mở rộng	1.045,7	1.182,4	1.168,5	113,07	101,19
-	Hàm Thuận - Đa Mi	1.428,6	1.243,2	1.442,4	87,02	86,19
-	Điện mặt trời Đa Mi	68,8	70,9	40,2	103,05	176,37

3. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

STT	Chỉ tiêu	KH 2020	TH 2020	TH 2019	TH/KH (%)	So Sánh 2019 (%)
1	Tỉ lệ điện dùng cho SXĐ (%)	0,99	0,87	0,80	87,88	108,75
2	Hệ số khả dụng (%)	96,57	98,14	96,98	101,63	101,20
3	Tỉ lệ ngừng máy bảo dưỡng (%)	2,93	1,83	2,99	62,46	61,20
4	Tỉ lệ ngừng máy sự cố (%)	0,50	0,03	0,02	6,00	150,00

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đều đạt kế hoạch. Tình hình thiết bị tại các nhà máy như sau:

- Nhà máy Đa Nhim: 01 sự cố.

Sự cố H3 Đa Nhim từ 13h23 ngày 03/8/2020 đến 11h00 ngày 04/8/2020 do côn coupling cho cơ cấu nạp tải lò xo pha C MC 233 bị hỏng không hoà lưới tổ máy H3.

- Nhà máy Hàm Thuận: 01 sự cố.

Sự cố H2 Hàm Thuận từ 08h36 đến 13h30 ngày 08/01/2020 do chạm đất cấp động lực kích từ tổ máy H2 Hàm Thuận.

- Nhà máy Đa Mi: Không có sự cố.

- Nhà máy điện mặt trời Đa Mi: Không có sự cố.

4. Công tác sửa chữa bảo dưỡng tài sản cố định (TSCĐ)

Công ty đã hoàn thành 14/14 hạng mục sửa chữa lớn với tổng giá trị thực hiện/kế hoạch là 35.637/43.122 triệu đồng (không tính dự phòng 10%), đạt 82,64% kế hoạch.

Giá trị giải ngân thấp do tiết giảm trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

(Phụ lục I: Tình hình thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2020)

5. Công tác mua sắm TSCĐ

Trong năm 2020, Công ty đăng ký 14 hạng mục, thực hiện hoàn tất 13/14 hạng mục với tổng giá trị giải ngân là 15.739/30.927 triệu đồng, đạt 50,89% kế hoạch.

Giá trị giải ngân thấp do gói thầu “Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận” không thực hiện trong năm 2020 là 13.109 triệu đồng (nguyên nhân do ảnh hưởng COVID 19, việc thương thảo hợp đồng kéo dài và các nhà thầu không tiếp tục gia hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu nên Công ty đã quyết định hủy thầu và sẽ triển khai thực hiện giai đoạn sau) và tiết giảm trong quá trình đấu thầu..

(Phụ lục II: Tình hình thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) bằng nguồn vốn ĐTPT năm 2020)

6. Công tác cung cấp dịch vụ

Công ty và Trung tâm đã thực hiện ký kết 27 hợp đồng dịch vụ. Tổng giá trị hợp đồng đã ký kết khoảng 17,372 tỉ đồng (bao gồm 10% thuế VAT).

7. Hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2020	TH 2020	TH/KH (%)
1	Hoạt động sản xuất điện				
-	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)	Tỉ đồng	1.840.311	1.726.750	93,83
-	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch tỉ giá)	Tỉ đồng	1.086.816	934.949	86,03
-	Lợi nhuận SXKD điện	Tỉ đồng	753.495	791.801	105,08
2	Hoạt động tài chính (không lãi vay)				
-	Doanh thu	Tỉ đồng	8.730	8.108	92,88
-	Chi phí	Tỉ đồng	-	1.797	-
-	Lợi nhuận	Tỉ đồng	8.730	6.311	72,29
3	Hoạt động SX kinh doanh khác				
-	Doanh thu	Tỉ đồng	10.057	11.121	110,58
-	Chi phí	Tỉ đồng	9.051	8.636	95,41
-	Lợi nhuận	Tỉ đồng	1.006	2.485	247,02
4	Tổng lợi nhuận (1)+(2)+(3)	Tỉ đồng	763.231	800.597	104,90
5	Tỉ lệ cổ tức	%	14	14	100,0

(Phụ lục III: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2020 và kế hoạch năm 2021)

III. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

1. Tình hình giải ngân



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: dhd.com.vn

STT	Dự án	KH 2020	TH 2020	Tỉ lệ (%)
1	Mở rộng NMTĐ Đa Nhim	91.377	87.143	95,37
2	Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	17.110	16.507	96,48

2. Tình hình thực hiện

a) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

Đã hoàn thành công tác khoan nổ 929m hầm còn lại và thông hầm vào ngày 14/12/2020; đang thực hiện công tác bê tông gia cố vĩnh cửu vỏ hầm.

Trong năm, tổ máy H5 sản xuất được 239,74 triệu kWh.

b) Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi:

Theo dõi tình hình vận hành của hệ thống thiết bị trong giai đoạn bảo hành.

Hoàn thành Báo cáo quyết toán Dự án.

Trong năm, Nhà máy điện mặt trời Đa Mi sản xuất được 71,50 triệu kWh.

(Phụ lục IV: Tình hình thực hiện kế hoạch Đầu tư xây dựng (ĐT XD) năm 2020)

IV. CÔNG TÁC THỰC HÀNH TIẾT KIỆM VÀ TỐI ƯU HÓA CHI PHÍ

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2020	Chỉ tiêu	TH 2020	TH/KH (%)	Kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=6/4)	
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.571,12	Tăng	2.515,7	97,85	KĐ
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.543,13	Tăng	2.496,5	98,17	KĐ
3	Tỷ lệ điện dùng	%SLĐ	0,99	Giảm	0,87	87,88	Đạt
4	Hệ số khả dụng	%	96,57	Tăng	98,14	101,63	Đạt
5	Tỷ lệ ngừng máy bảo dưỡng	%	2,93	Giảm	1,83	62,46	Đạt
6	Tỷ lệ ngừng máy do sự cố	%	0,50	Giảm	0,03	6,00	Đạt
7	Giá bán điện bình quân	Đồng	684,91	Tăng	643,34	93,93	KĐ
8	Doanh thu sản xuất điện	Tr.đồng	1.743.311	Tăng	1.606.098	92,13	KĐ
9	Giá trị tồn kho	Tr.đồng	87.360	Giảm	83.319	95,37	Đạt

10	Chi phí	Tr.đồng					
-	Chi phí vật liệu	Tr.đồng	8.195	-7,5%	7.837	95,63	KĐ
-	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	9.920	-7,5%	11.605	116,99	KĐ
-	Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	32.818	-7,5%	36.238	110,42	KĐ
-	Chi phí sửa chữa lớn	Tr.đồng	45.388	-7,5%	35.589	78,41	Đạt
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	763.231	≥	800.597	104,90	Đạt
12	Tỷ lệ cổ tức	%	14	≥	14	100,00	Đạt
13	Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	4	≥	3,77	100,00	KĐ
14	Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH (ROE)	%	12	≥	11,01	105,92	KĐ
15	Chi phí O&M	Tr.đ/ MW	361	≤	246	68,14	Đạt
16	Lao động bình quân sản xuất kinh doanh điện (không có điện mặt trời Đa Mi 25 người)	Người	249	≤	233	93,57	Đạt
17	Năng suất lao động theo sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh/ người	10,90	≥	10,80	99,06	KĐ
18	Năng suất lao động theo công suất lắp đặt	Người/ MW	0,32	≤	0,32	100,00	Đạt

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SXKD, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

- Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim: Hoàn thành hạng mục đào hầm và phát điện với công suất 80MW vào quý III/2021.
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị các nhà máy Đa Mi, Đa Nhim và Sông Pha.
- Nghiên cứu, hoàn thiện hồ sơ bổ sung quy hoạch Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - giai đoạn 2.

Phần III
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

Căn cứ vào tình hình mực nước các hồ cuối năm 2020 và tình hình thủy văn các tháng đầu năm, Công ty đăng ký kế hoạch năm 2021 là 2.438,48 triệu kWh. Chi tiết như sau:

I. CÁC CHỈ TIÊU VỀ KỸ THUẬT

STT	Chỉ tiêu	KH 2021
1	Sản lượng điện sản xuất (Tr. kWh)	2.438,48
-	<i>Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim mở rộng</i>	<i>1.130,80</i>
-	<i>Hàm Thuận - Đa Mi</i>	<i>1.244,38</i>
-	<i>Điện mặt trời Đa Mi</i>	<i>63,3</i>
2	Sản lượng điện thương phẩm (Tr. kWh)	2.415,38
-	<i>Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim mở rộng</i>	<i>1.120,10</i>
-	<i>Hàm Thuận - Đa Mi</i>	<i>1.232,54</i>
-	<i>Điện mặt trời Đa Mi</i>	<i>62,74</i>
3	Tỉ lệ tổn thất và tự dùng (%SLĐ)	0,99
4	Hệ số khả dụng (%)	95,45
5	Tỉ lệ ngừng máy bảo dưỡng theo kế hoạch (%)	4,05
6	Tỉ lệ ngừng máy do sự cố (%)	0,50

(Phụ lục V: Tổng hợp kế hoạch sản xuất điện năm 2021)

II. CÔNG TÁC SỬA CHỮA LỚN

Công ty đăng ký 14 hạng mục, công trình với tổng giá trị giải ngân là 70.362 triệu đồng và giá trị hạch toán chi phí trong năm 2021 là 59.015 triệu đồng.

(Phụ lục VI: Kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ năm 2021)

III. CÔNG TÁC MUA SẮM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Nguồn vốn đầu tư phát triển (ĐTPT)

Kế hoạch là 12 hạng mục với tổng giá trị là 25.081,5 triệu đồng. Trong đó, kế hoạch giải ngân trong năm 2021 là 10.851,5 triệu đồng và năm 2022 là 14.230 triệu đồng.

2. Nguồn vốn khấu hao cơ bản (KHCB)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: dhd.com.vn

Kế hoạch là 01 hạng mục với tổng giá trị là 80.715 triệu đồng. Trong đó, kế hoạch giải ngân trong năm 2021 là 16.143 triệu đồng và năm 2022 là 64.572 triệu đồng.

(Phụ lục VII: Kế hoạch mua sắm TSCĐ năm 2021)

IV. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Công ty đăng ký kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2021
1	Hoạt động sản xuất điện		
-	Doanh thu (đã bao gồm lãi tiền gửi)	Tỉ đồng	1.690.201
-	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch tỉ giá)	Tỉ đồng	1.026.642
-	Lợi nhuận SXKD điện	Tỉ đồng	663.559
2	Hoạt động tài chính (không lãi vay)		
-	Doanh thu	Tỉ đồng	5.139
-	Chi phí	Tỉ đồng	-
-	Lợi nhuận	Tỉ đồng	5.139
3	Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)		
-	Doanh thu	Tỉ đồng	6.900
-	Chi phí	Tỉ đồng	6.210
-	Lợi nhuận	Tỉ đồng	690
4	Tổng lợi nhuận (1)+(2)+(3)	Tỉ đồng	669.388
5	Tỉ lệ cổ tức	%	14

Đính kèm các Phụ lục:

- Phụ lục III: Tổng hợp tình hình thực hiện tài chính năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

Phụ lục III.1: Chi tiết tình hình thực hiện tài chính năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

V. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

1. Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim

Kế hoạch giải ngân là 138,955 tỉ đồng.

2. Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi

Kế hoạch giải ngân là 1,443 tỉ đồng.

3. Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim - Giai đoạn 2

Kế hoạch giải ngân là 2,865 tỉ đồng.

(Phụ lục VIII: Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021)

VI. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu

- Đảm bảo hệ thống công trình, thiết bị và các tổ máy phát điện vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả.
- Hoàn thành kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận, tỉ lệ cố tức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tài chính, năng suất lao động.
- Vận hành khai thác tối ưu các hồ chứa và đảm bảo cấp nước hạ du.
- Hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim và phát điện tổ máy H5 với công suất 80 MW trong quý III/2021.
- Hoàn thiện hồ sơ xin bổ sung Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim (giai đoạn 2) vào Quy hoạch Điện VIII và triển khai các bước chuẩn bị Dự án.
- Ứng dụng triệt để khoa học công nghệ vào công tác quản lý và điều hành sản xuất của Công ty.
- Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Tăng cường kỷ luật trong quản lý vận hành và quản lý kỹ thuật, đảm bảo các tổ máy phát điện ở trạng thái sẵn sàng tham gia phát điện; đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản lượng điện, hoàn thành các chỉ tiêu kỹ thuật, tài chính đề ra:

- Phân công, theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống thiết bị, công trình; có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng và các phương án xử lý sự cố; xử lý nhanh chóng, chính xác các sự cố khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố chủ quan.

- Nâng cao chất lượng SCL từ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống thiết bị, công trình..

- Tích cực tham gia thị trường điện, thực hiện chào giá hiệu quả nhằm tăng thêm doanh thu từ thị trường điện.

- Phối hợp Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du trong mùa khô 2021.

b) Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ; tối ưu hóa chi phí theo chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động; bố trí, phân bổ lực lượng lao động hợp lý, phù hợp với công việc để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong BDSC.

- Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; tổ chức mua sắm tập trung; tổ chức đấu thầu/chào hàng rộng rãi qua mạng, hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp trong công tác đấu thầu mua sắm VTTB.

- Xây dựng định mức VTTB dự phòng cho sản xuất điện, sử dụng hiệu quả VTTB tồn kho.

c) Xây dựng lực lượng nhân lực kế thừa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị của Công ty

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng nhằm đáp ứng nhu cầu trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- Tổ chức đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau, có năng lực giải quyết công việc ở nhiều lĩnh vực khó và mới.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

- Xây dựng đề án, kế hoạch và đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong toàn Công ty, nâng cao hiệu quả trong công tác xử lý văn bản, điều hành sản xuất kinh doanh.

d) Hoàn thiện công tác quản trị nội bộ, thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và PCTT&TKCN; bảo đảm trật tự, an ninh khu vực

- Tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị, công trình; phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT&TKCN tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận thực hiện tốt kế hoạch công tác PCTT&TKCN hàng năm.

- Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình.

- Thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, sửa đổi và ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn công việc theo yêu cầu nhiệm vụ và đúng quy định của ngành và pháp luật hiện hành. Nghiêm túc thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

e) Hoàn thiện các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, đưa tổ máy H5 vào vận hành đủ công suất 80MW trong quý III/2021

- Theo dõi, giám sát và đôn đốc Nhà thầu, Tư vấn đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành toàn bộ Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, vận hành thương mại đủ công suất thiết kế 80MW trong quý III/2021.

- Phối hợp chặt chẽ với các nhà thầu thực hiện công tác quyết toán A-B và quyết toán dự án.

f) Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim - giai đoạn 2

- Phối hợp với Tư vấn, hoàn thiện các hồ sơ bổ sung liên quan đến hồ sơ xin bổ sung quy hoạch.

- Theo dõi, bám sát các cơ quan, ban ngành để hoàn thiện thủ tục đưa Dự án vào Quy hoạch Điện VIII.

- Triển khai lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu liên quan đến giai đoạn chuẩn bị Dự án.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2020 và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2021 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- CT HĐQT (để b/c);
- Các P.TGD;
- Ban KS;
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quang

Phụ lục I:
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SỬA CHỮA TSCĐ NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TĐĐHD ngày / /2021)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục công trình	KH 2020	TH năm 2020	Tỷ lệ (%)	Tình hình thực hiện
	SỬA CHỮA LỚN	45,388	35,637	78.52	
	Công trình thiết bị	22,660	16,633	73.40	
1	Đại tu tổ máy H1 Đa Mi	4,297	3,393	78.96	Hoàn tất
2	Đại tu tổ máy H4 Đa Nhim	4,276	2,671	62.46	Hoàn tất
3	Trung tu hệ thống thiết bị cửa nhận nước Đa Mi, cầu trục gian máy, máy công cụ, máy lọc dầu, pa lăng cửa hạ lưu Hàm Thuận - Đa Mi	1,303	1,275	97.85	Hoàn tất
4	Trung tu trạm phân phối 220kV & 110kV Đa Nhim - Sông Pha	4,462	3,026	67.82	Hoàn tất
5	Trung tu hệ thống điện tự dùng AC, DC, chiếu sáng Đa Nhim - Sông Pha	1,415	807	57.03	Hoàn tất
6	Trung tu hệ thống đường ống thủy áp số 1 Đa Nhim - Sông Pha	4,590	3,144	68.50	Hoàn tất
7	Phân bổ chi phí BXCT	2,317	2,317	100.00	Hoàn tất
	Công trình thủy công và xây dựng	22,328	18,746	83.96	
8	Sửa chữa công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận	3,897	3,451	88.55	Hoàn tất
9	Sửa chữa công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Đa Mi	4,347	3,343	76.90	Hoàn tất
10	Sửa chữa công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	2,589	2,361	91.19	Hoàn tất
11	Sửa chữa tuyến đường vào nhà máy thủy điện Đa Nhim và đường nội bộ khu nhà trực vận hành Đa Nhim - Sông Pha	4,512	3,497	77.51	Hoàn tất
12	Sửa chữa công trình kiến trúc nhà máy thủy điện Đa Nhim và nhà trực vận hành khu vực Đa Nhim - Sông Pha	4,120	3,503	85.02	Hoàn tất
13	Sửa chữa khu văn phòng làm việc và nhà trực vận hành khu vực Bảo Lộc	2,863	2,591	90.50	Hoàn tất
	Phương tiện vận tải	400	258		
14	Sửa chữa các xe ô tô	400	258	64.50	Hoàn tất

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT, bao gồm dự phòng 10%.

Phụ lục II
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MUA SẴM TSCĐ BẰNG NGUỒN VỐN ĐTPT NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TĐĐHD ngày / /2021)

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	KH 2020	TH 2020	Tỷ lệ (%)	Tình hình thực hiện
	Tổng cộng		30,927	15,739	50.89	
I	Hạng mục chuyển tiếp từ năm 2019:					
1	Hợp bộ máy cắt đầu cực Nhà máy Hàm Thuận	Bộ	6,810	6,706	98.47	Hoàn tất
II	Hạng mục đăng ký mới năm 2020:					
1	Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận	HT	13,109	-	-	Chuyển tiếp 2022
2	Hệ thống thiết bị An toàn thông tin	HT	3,646	3,109.0	85.27	Hoàn tất
3	Nâng cấp trạm 110kV nhà máy điện mặt trời Đa Mi (hệ thống điện tự dùng AC/DC)	HT	1,322	722.0	54.61	Hoàn tất
4	Máy nạp và dàn Ấc quy cho nhà máy thủy điện Sông Pha	HT	926	410.0	44.28	Hoàn tất
5	Hợp bộ thi công cáp ngầm trung thế	Bộ	341	176.0	51.61	Hoàn tất
6	Bộ cò lê nhân lực	Bộ	175	132.0	75.43	Hoàn tất
7	Máy siết bu long	Bộ	408	336.0	82.35	Hoàn tất
8	Máy hàn MIG	Bộ	116	100.0	86.21	Hoàn tất
9	Bộ kích thủy lực 15 tấn (04 kích) và bơm dầu bằng khí nén	Bộ	158	193.0	122.15	Hoàn tất
10	Máy đo độ rung (02 cái)	Cái	131	91.0	69.47	Hoàn tất
11	Variac 3 pha, 380V-100A	Bộ	57	42.0	74.34	Hoàn tất
12	Xe ô tô các loại (03 xe)	1 lô (3 xe)	3,395	3,364	99.09	Hoàn tất
13	Phần mềm đối soát thanh toán chu kỳ giao dịch 30 phút	Gói	333	358	107.51	Hoàn tất

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Phụ lục III
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TÀI NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TĐĐHĐ ngày tháng năm 2021)

STT	Nội dung	KH 2020	TH 2020	KH 2021
I	Hoạt động sản xuất điện			
1	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)	1,840,311	1,726,750	1,690,201
2	Chi phí (bao gồm các khoản tăng giảm giá điện)	1,086,816	934,949	1,026,642
3	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	753,495	791,801	663,559
III	Hoạt động tài chính (không lãi vay)			
1	Doanh thu	8,730	8,108	5,139
	- Thu lợi nhuận từ cty cổ phần	8,730	8,108	5,139
	- Lãi và phí cho vay lại	-	-	-
2	Chi phí	-	1,797	-
3	Lợi nhuận	8,730	6,311	5,139
III	Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)			
1	Doanh thu	10,057	11,121	6,900
2	Chi phí	9,051	8,636	6,210
3	Lợi nhuận HĐ khác	1,006	2,485	690
IV	Tổng cộng lợi nhuận	763,231	800,597	669,388

Phụ lục III.1
CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TÀI CHÍNH NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số /BC-TĐDDH ngày tháng năm 2021)

STT	Nội dung	KH 2020	TH 2020		KH 2021
1	Sản lượng điện sản xuất	2,571	2,515.6	97.85%	2,438.4
	Thủy điện	2,502	2,444.1	97.71%	2,375.2
	Điện mặt trời	69.5	71.5	102.88%	63.3
2	Tự dùng	25.7	19.1	74.32%	23.1
3	Sản lượng điện giao, bán cho EVN	2,545	2,496.5	98.08%	2,415.3
4	Sản lượng điện thương phẩm	2,545.3	2,496.5	98.08%	2,415.3
5	Giá bán điện bình quân	684.91	643.34	93.93%	658.38
6	Doanh thu	1,840,311	1,726,750	93.83%	1,690,201
	Doanh thu hoạt động SXKD điện	1,743,311	1,606,098	92.13%	1,590,201
	Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)	97,000	120,652	124.38%	100,000
7	Chi phí	963,411	906,641	94.11%	945,035
	Vật liệu	8,195	7,837	95.63%	11,788
	Lương và BH	87,624	84,871	96.86%	85,297
	- Lương	77,540	77,320	99.72%	77,199
	- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	9,808	7,290	74.33%	7,822
	- Thù lao HĐQT & BKS	276	261	94.57%	276
	Khấu hao TSCĐ (Chưa tính tới việc đánh giá lại TS)	342,305	329,247	96.19%	350,498
	Dịch vụ mua ngoài	9,920	11,605	116.99%	14,333
	- Chi phí mua điện	4,510	4,979	110.40%	5,228
	- Các khoản DVMN khác	5,410	6,626	122.48%	9,105
	Chi phí SCL	45,388	35,589	78.41%	59,015
	Chi phí bằng tiền	466,300	437,492	93.82%	424,104

	- Thuế tài nguyên	234,775	226,125	96.32%	219,317
	- Phí dịch vụ MTR	89,152	87,324	97.95%	84,695
	- Phí cấp tiền khai thác tài nguyên nước	30,661	31,054	101.28%	31,054
	- Tiền thuê đất	1,893	1,349	71.28%	1,893
	- Lãi tiền vay	73,684	53,104	72.07%	44,677
	- Ăn ca	3,100	2,237	72.16%	2,300
	- Dự phòng TCMVL	217	61	28.07%	200
	- Chi phí bằng tiền khác	32,818	36,238	110.42%	39,968
9	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	876,900	820,109	93.52%	745,165.7
10	Các khoản tăng, giảm giá thành điện	(123,405)	(28,308)	22.94%	(81,607)
	Chênh lệch tỷ giá	(123,405)	(28,283)	22.92%	(81,607)
	- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	8,730		
	- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ (phân bổ)	(123,405)	(37,013)	29.99%	(81,607)
	Giảm giá thành từ khoản thu về cho thuê cột điện	-			
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi	-	(25)		
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-			-
11	Lợi nhuận SXKD điện (sau tăng, giảm các khoản trên)	753,495	791,801	105.08%	663,559
12	Lợi nhuận SXKD điện (không bao gồm CLTG)				
12	Giá thành điện bình quân	427.0	374.5	87.71%	425.1
13	Hoạt động tài chính (không lãi vay)				
	Doanh thu	8,730	8,108	92.88%	5,139
	- Thu lợi nhuận từ cty cổ phần	8,730	8,108	92.88%	5,139
	- lãi tiền gửi (ngoài phần đưa vào mục số 5, nếu có)				
	- Lãi và phí cho vay lại	-			
	Chi phí	-	1,797		-
	Lợi nhuận	8,730	6,311	72.29%	5,139
14	Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)	-			
	Doanh thu	10,057	11,121	110.58%	6,900
	- Doanh thu dịch vụ	10,057	10,908	108.46%	6,900
	- Thu nhập khác	-	213		-
	Chi phí	9,051	8,636	95.41%	6,210
	- Chi phí dịch vụ	9,051	8,472	93.60%	6,210
	- Chi phí khác	-	164		-
	Lợi nhuận HĐ khác	1,006	2,485	247.02%	690
15	Tổng cộng lợi nhuận	763,231	800,597	104.90%	669,388
	Mức cổ tức	14%	14%	100.00%	14%

Phụ lục IV:
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐTXD NĂM 2020
(Đính kèm Báo cáo số...../BC-TĐĐHD ngày / /2021)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	ĐVT	KH 2020	TH 2020	So sánh TH 2020 (%)	Ghi chú
	Tổng cộng:		108,487	103,650	95.54	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA	91,377	87,143	95.37	
	<i>Vốn vay</i>		80,809	77,838	96.32	
	<i>Vốn đối ứng</i>		10,568	9,305	88.05	
2	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA	17,110	16,507	96.48	
	<i>Vốn vay</i>		-	-	-	
	<i>Vốn đối ứng</i>		17,110	16,507	96.48	

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Phụ lục V.1
TÌNH HÌNH THỦY VĂN NĂM 2020 VÀ DỰ BÁO NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số...../BC-TĐĐHĐ ngày / /2020)

Nhà máy thủy điện Đa Nhim

Tháng	Nước về thực tế năm 2020		Dự báo nước về năm 2021			Tần suất chọn tương đương 65%
	Q về (m3/s)	Tần suất (%)	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	
1	8.40		12.46	11.25	9.27	20.32
2	6.98		8.22	7.50	6.32	8.74
3	4.40		6.45	5.79	4.74	6.00
4	5.84		8.22	7.13	5.26	7.13
5	2.66		15.20	12.54	9.46	12.54
6	23.47		18.31	15.09	11.56	15.40
7	29.49		18.29	16.44	11.71	16.55
8	35.80		19.75	16.75	12.13	19.30
9	31.83		30.82	27.53	22.08	29.50
10	55.78		42.42	36.45	28.62	41.70
11	54.39		39.64	32.85	22.22	39.00
12	58.69		25.29	21.41	14.30	21.41
Trung bình	26.48		20.42	17.56	13.14	19.80

Nhà máy thủy điện Hàm Thuận

Tháng	Nước về thực tế năm 2020		Dự báo nước về năm 2021			Tần suất chọn tương đương 65%
	Q về (m3/s)	Tần suất (%)	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	
1	13.52		14.70	13.70	12.41	17.06
2	8.78		8.49	8.00	6.94	13.36
3	7.00		7.09	5.99	4.56	5.50
4	10.13		10.28	7.26	3.91	6.70
5	11.65		16.81	11.14	4.65	11.20
6	30.78		33.57	25.72	11.74	27.60
7	60.41		70.50	54.56	26.88	51.00
8	88.86		110.17	94.06	64.72	85.00
9	73.38		123.61	113.36	97.39	105.00
10	85.93		110.82	105.13	92.52	98.00
11	46.22		60.92	53.70	43.55	47.60
12	27.54		26.49	24.25	21.32	24.80
Trung bình	38.68		49.46	43.07	32.55	41.07

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2021
 (Kèm theo Báo cáo số...../BC-TĐĐHĐ ngày / /2020)
 ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Giá trị kế hoạch			Tình hình thực hiện
		Năm 2021	Năm 2022	Tổng	
	SỬA CHỮA LỚN	70,362	49,781	120,143	
1	Tổ máy H2 nhà máy thủy điện Đa Mi	8,556	14,005	22,561	Năm 2021 thực hiện phần mua sắm vật tư sửa chữa và thực hiện tạm ứng 20% giá trị hệ thống điều tốc (12,999 tỉ), 20% sửa chữa cơ cấu truyền động máy cắt đầu cực (1,738 tỉ). Hoàn tất trong năm 2022.
2	Hệ thống DCS Nhà máy Thủy điện Đa Mi	8,400	35,776	44,176	Năm 2021 chỉ thực hiện tạm ứng phần vật tư chính 20% và hoàn tất công trình trong năm 2022. Giá trị phân bổ trong 36 tháng
3	Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	9,037		9,037	
4	Tổ máy H3 Nhà máy Thủy điện Sông Pha	8,842		8,842	
5	Trạm và đường dây 22kV nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi	2,838		2,838	

STT	Hạng mục công trình	Giá trị kế hoạch			Tình hình thực hiện
		Năm 2021	Năm 2022	Tổng	
6	Hệ thống thiết bị thông tin, thủy văn, cảnh báo, mạng máy tính, camera, giám sát an toàn đập nhà máy thủy điện HT-DM, DN-SP	4,898		4,898	
7	Hệ thống thiết bị Trạm, đường dây 22kV và 6.6kV khu vực nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha	1,929		1,929	
8	Hệ thống nước kỹ thuật Đa Nhim; Hệ thống chữa cháy nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha	4,830		4,830	
9	Công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận	2,002		2,002	

STT	Hạng mục công trình	Giá trị kế hoạch			Tình hình thực hiện
		Năm 2021	Năm 2022	Tổng	
10	Công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Đa Mi	3,975		3,975	
11	Khu văn phòng làm việc và nhà trực vận hành khu vực Bảo Lộc	3,973		3,973	
12	Công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	4,166		4,166	
13	Công trình thủy công và kiến trúc khu vực nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha	2,410		2,410	
14	Nền tuyến đường ống áp lực nhà máy thủy điện Đa Nhim và Sông Pha	4,506		4,506	

Phụ lục VII
KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ BẰNG NGUỒN VỐN ĐTPT/KHCB NĂM 2021
 (Kèm theo Báo cáo số...../BC-TĐĐHĐ ngày / /2021)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Số lượng	Kế hoạch				Ghi chú (Giải trình: Hiện trạng, thay thế, mua sắm mới)
				Đơn giá	Thành tiền	Giải ngân 2021	Giải ngân 2022	
	Tổng cộng				98,502.5	26,994.5	78,802.0	
A	KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ BẰNG				17,787.5	10,851.5	14,230.0	
1	Hệ thống bảo vệ đường dây 220kV Hàm Thuận - Đa Mi	HT	1	1,230.0		1,230.0		Trang bị theo yêu cầu của Văn bản 1401/EVNGENCO1-KTSX ngày 07/7/2020 của Tổng công ty Phát điện 1
2	Trạm phân phối điện 220/110kV Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	HT	1	3,516.4		3,516.4		Trang bị theo yêu cầu của Văn bản 507/EVNGENCO1-KTSX ngày 13/3/2020 của Tổng công ty Phát điện 1
3	Máy phân tích tần số	Bộ	1	447.0		447.0		Trang bị để thử nghiệm các chức năng của kích từ, điều tốc theo QĐ 25/QĐ-ĐTĐL ngày 26/3/2019 của Cục Điều tiết Điện lực - Bộ Công Thương

4	Máy đo tỉ số biến	Bộ	1	505.5		505.5		Trang bị mới
5	Máy đo điện trở đất	Bộ	1	188.9		188.9		Trang bị mới
6	Máy hàn cáp quang	Bộ	1	165.0		165.0		Trang bị mới
7	Thiết bị đo rò rỉ khí SF6 chuyên dụng	Bộ	1	272.3		272.3		Trang bị mới
8	Bộ cờ lê nhân lực	Bộ	1	260.4		260.4		Trang bị mới
9	Máy hàn TIG	Bộ	1	70.5		70.5		Trang bị mới

10	Camera hồng ngoại	Bộ	1	278.0		278.0		Trang bị mới
11	Máy điều hoà nhiệt độ	Bộ	2	180.0		360.0		Trang bị mới
12	Hệ thống giám sát trực tuyến các MBA chính NMTĐ Đa Mi	Bộ	2	8,893.8	17,787.5	3,557.5	14,230.0	Năm 2021 thanh toán tạm ứng 20%. Hoàn tất 2022.
B	KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ BẰNG				80,715.0	16,143.0	64,572.0	
1	Máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi	Bộ	2	40,357.50	80,715.00	16,143.0	64,572.0	Thay thế các MBA hiện hữu đang vận hành không ổn định và lắp đặt mới hệ thống giám sát trực tuyến các máy biến áp. Năm 2021 thanh toán tạm ứng 20%. Hoàn tất 2022.

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Phụ lục VIII

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-TĐDHĐ ngày / /2021)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục công trình	Đơn vị	Kế hoạch 2021	Ghi chú
	Tổng cộng		143,263	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA	138,955	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>		<i>52,671</i>	
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>86,284</i>	
2	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA	1,443	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>		-	
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>1,443</i>	
3	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim - Giai đoạn 2	DA	2,865	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>		-	
	<i>Vốn đối ứng</i>		<i>2,865</i>	

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Phụ lục VIII.1
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021
DỰ ÁN MỞ RỘNG NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN ĐA NHIM
(Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐĐHD ngày / /2021)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

1. Tình hình thực hiện

1.1. Gói thầu 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính

a) Tình hình thực hiện

- Thời gian chuyển sang khoan nổ: ngày 06/02/2020.
- Thời điểm thông hầm: ngày 14/12/2020.
- Công tác bê tông gia cố vĩnh cửu vỏ hầm phía thượng lưu: Lũy kế đến ngày 31/12/2020 đạt 18 md (2/3 tiết diện hầm)/547,05 md.
- Hướng hạ lưu (đến ngày 31/12/2020)
 - + Công tác bê tông: Lũy kế đạt 576,77 md/576,77 md cho 2/3 phần tiết diện phía trên (hoàn thành) và 504.38 md/576,77 md cho 1/3 phần tiết diện phía dưới;
 - + Khoan phụt lấp đầy: Lũy kế thi công đạt 504,38 md/576,22 md.
 - + Khoan phụt gia cố: Lũy kế thi công đạt 646 hố/1400 hố.

b) Công tác giải ngân

Trong năm 2020, giải ngân 46.101.779.708 đồng và lũy kế đến 31/12/2020 là 508.947.274.325 đồng.

1.2. Gói thầu 12.02-(DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công

a) Tình hình thực hiện

Tư vấn giám sát phát hành chứng chỉ hoàn thành thời hạn bảo hành cho các hạng mục đã đưa vào vận hành-và đã thanh toán cho nửa thứ hai tiền giữ lại ngày 15/12/2020.

b) Công tác giải ngân

Trong năm 2020, không giải ngân và lũy kế đến 31/12/2020 là 148.746.142.976 đồng.

1.3. Gói thầu 12.03-(DNE-D3): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện

a) Công tác kiểm tra sau 1 năm vận hành

- Do ảnh hưởng dịch COVID-19 nên Nhà thầu GE India chưa thể cử chuyên gia sang công trường để kiểm tra và xử lý các tồn tại thiết bị sau 1 năm vận hành theo chứng chỉ nghiệm thu bàn giao một phần (ngoại trừ thiết bị Cửa nhận nước) do TVGS đã phát hành (ngoại trừ thiết bị Cửa nhận nước).

- Tư vấn giám sát phát hành chứng chỉ hoàn thành thời hạn bảo hành cho các hạng mục đã đưa vào vận hành. Nhà thầu đã trình hồ sơ thanh toán cho nửa thứ hai tiền giữ lại và phần tiền USD đã giải ngân vào ngày 08/12/2020.

b) Công tác giải ngân

Trong năm 2020, giải ngân 17.162.301.707 đồng và lũy kế đến 31/12/2020 là 351.072.620.388 đồng.

1.4. Gói thầu 12-(DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp

a) Tình hình thực hiện

Tổng số nhân sự Tư vấn huy động đến tháng 12/2020 trên công trường để phục vụ các công tác giám sát toàn bộ của Dự án bao gồm công tác khoan nổ mìn 929,9m đường hầm còn lại như sau:

STT	Chuyên gia	Tổng số MM đã thực hiện	
		Đến tháng 3/2019	Đến tháng 12/2020
1	Chuyên gia loại A	116,25	156,31
2	Chuyên gia loại B	396,01	536,77
3	Chuyên gia loại C	297,97	341,17
4	Chuyên gia loại D	214,09	265,09

b) Chi phí cho TVGS

- Ngày 05/10/2020 Bộ Công Thương đã có Văn bản số 7415/BCT-ĐL để yêu cầu Công ty báo cáo Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp xem xét giải quyết việc điều chỉnh giá Hợp đồng Tư vấn giám sát.

- Tổng công ty Phát điện 1 đã có Văn bản số 157/BC-EVNGENCO1 ngày 23/11/2020 gửi Tập đoàn Điện lực Việt Nam để xem xét thông qua điều chỉnh HĐ TVGS và trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- EVN đang xem xét và chuẩn bị các thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

c) Công tác giải ngân

Trong năm 2020, không giải ngân và lũy kế đến 31/12/2020 là 133.067.478.841 đồng.

2. Khó khăn vướng mắc

a) Hướng thượng lưu

- Điều kiện thi công gia cố vĩnh cửu chỉ theo một hướng qua giếng đứng cửa lấy nước nên khó khăn trong việc đẩy nhanh tiến độ, đặc biệt là bê tông bọc vỏ hầm;

- Công tác thi công khoan nổ: Vừa thi công vừa phải đảm bảo tuyệt đối an toàn cửa lấy nước đang vận hành.

b) Hướng hạ lưu

- Điều kiện thi công chật hẹp, không huy động được thiết bị thi công lớn, chủ yếu thực hiện bằng thủ công, đặc biệt đối với công tác vệ sinh nền hầm, tháo ray... Mặt khác, khối lượng công việc còn lại phía hạ lưu vẫn thi công độc lập với phía thượng lưu nên khó khăn trong việc đẩy nhanh tiến độ.

- Máy khoan phụt gia cố thường xuyên hư hỏng, cần nhiều thời gian cho công tác bảo dưỡng, sửa chữa.

- Việc vận chuyển vật liệu để phục vụ công tác thi công lấp đầy và khoan phụt gặp nhiều khó khăn do thi công đồng thời với bê tông bọc vỏ hầm.

3. Giải pháp khắc phục

a) Hướng thượng lưu

- Tổ chức phân chia các nhóm thi công phù hợp, tránh chồng chéo gây mất thời gian chờ đợi, đặc biệt là việc bố trí nhân lực, ván khuôn cho công tác đổ bê tông vỏ hầm;

- Tổ chức tốt công tác trung chuyển vật liệu thi công qua giếng đứng (cầu vật liệu, bơm bê tông...) và trong hầm nhằm giảm thiểu thời gian chờ các phương tiện, đảm bảo an toàn cửa nhận nước đang vận hành và tiến độ thi công gia cố vĩnh cửu;

- Yêu cầu Nhà thầu tuân thủ đầy đủ hướng dẫn của Tư vấn giám sát hiện trường để đảm bảo tuyệt đối an toàn trong công tác gia cố vĩnh cửu qua giếng đứng cửa lấy nước đang vận hành.

b) Hướng hạ lưu

- Sử dụng xe gòn kết hợp để đặt và vận chuyển thiết bị máy khoan phụt phù hợp, thiết bị bơm bê tông để thi công khoan phụt, bọc bê tông vỏ hầm 1/3 tiết diện đáy hầm còn lại đào bằng TBM;

- Sử dụng thiết bị xúc bùn đất trong hầm từ máy xúc nhỏ có cải tạo gầu xúc để phục vụ công tác vệ sinh bùn đất, tháo ray và hoàn thiện hầm;

- Tăng cường và duy trì nhóm bảo dưỡng thiết bị tại công trường đáp ứng kế hoạch đăng ký;

- Sắp xếp thời gian phù hợp để tập kết vật tư, thi công giảm thời gian chờ đợi.

4. Kết quả giải ngân

Kế hoạch giải ngân năm 2020 là 91.377 triệu đồng, thực hiện là 87.143 triệu đồng đạt 95,37% so với kế hoạch, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nguồn vốn	KH	TH	TH/KH (%)
Vốn vay	80.809	77.838	96,32
Vốn đối ứng	10.568	9.305	88,05
Tổng cộng	91.377	87.143	95,37

Ghi chú: Trong năm 2020, Gói thầu Tư vấn giám sát không giải ngân do chưa được các cấp thẩm quyền phê duyệt hiệu chỉnh hợp đồng.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2021

1. Tiến độ thực hiện

STT	Các gói thầu	Kế hoạch
1	Gói số 12.01 - Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính	
	Hoàn thành toàn bộ đường hầm	07/2021
2	Gói thầu 12.02 - Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công	
	Hoàn thành 09 ống thuộc phân đoạn hầm lót thép	06/2021
3	Gói số 12.03 - Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện	
	Thực hiện các hạng mục thử nghiệm tại công suất 80 MW sau khi hoàn thành đường hầm	Quý III/2021

2. Kế hoạch giải ngân

ĐVT: triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KH 2021	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Khối lượng	86.136	19.979	8.488	27.370	30.300
	Vốn ODA	26.867	18.320	5.316	3.230	-
	Vốn đối ứng	59.270	1.659	3.171	24.140	30.300
2	Giải ngân	138.955	23.801	33.700	24.140	57.315
	Vốn ODA	52.671	22.142	30.529	-	-
	Vốn đối ứng	86.284	1.659	3.171	24.140	57.315

Ghi chú: Kế hoạch giải ngân năm 2021 là 138,95 tỷ đồng, tăng 89,57 tỷ đồng so với kế hoạch đã được Tổng công ty Phát điện 1 thông qua tại VB số 72/EVNGENCO1-TH ngày 10/01/2021 do các nguyên nhân chính sau:

- Gói số 12 - (DNE-C1) Giám sát thi công xây lắp: Chuyển tiếp giá trị khối lượng đã thực hiện là 23,75 tỷ đồng sang 2021 do chưa xác định được cơ quan thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh giá hợp đồng.

- Gói số 12.02 - (DNE-D2) Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công: Chuyển tiếp chi phí hết hạn bảo hành với giá trị 7,1 tỷ đồng sang năm 2021 do Nhà thầu chậm hoàn thành hồ sơ thanh toán.

- Gói số 12.03- (DNE-D3) Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện: Bổ sung 5,7 tỷ đồng để thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng khi hết hạn bảo hành.

- Gói số 12.01 - (DNE-D1) Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính:

+ Bổ sung 2,9 tỷ đồng để thanh toán 5% giá trị phần thi công năm 2021 (khối lượng thi công khoảng 45 tỷ).

+ Chuyển tiếp 13 tỷ đồng để thanh toán khối lượng đã thực hiện sang năm 2021 do Nhà thầu chậm hoàn thành hồ sơ thanh toán;

+ Bổ sung 36 tỷ đồng để thanh toán khối lượng thi công trong năm 2021 và các năm trước đó chưa thanh toán.

- Bổ sung 1,12 tỷ đồng để thanh toán thuế của các gói thầu chính.

Số liệu chi tiết trong các bảng/biểu đính kèm:

- Khối lượng thực hiện và giải ngân năm 2020.

- Kế hoạch khối lượng thực hiện và giải ngân năm 2021.

Phụ lục VIII.2
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021
DỰ ÁN NHÀ MÁY ĐIỆN MẶT TRỜI ĐA MI
(Đính kèm Báo cáo số /BC-TĐDHĐ ngày / /2021)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020

1. Tình hình thực hiện

Dự án hoàn thành, đưa vào vận hành thương mại từ ngày 01/6/2019 và đang trong giai đoạn bảo hành.

2. Công tác giải ngân

Kế hoạch giải ngân năm 2020 là 17,11 tỷ đồng, thực hiện giải ngân trong năm 2020 là 16,507 tỷ đồng đạt 96,5 % kế hoạch năm.

Giá trị giải ngân thấp hơn kế hoạch do tiết giảm chi phí và vẫn đảm bảo hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc theo kế hoạch. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Nguồn vốn	Giá trị khối lượng			Giá trị giải ngân		
		KH	TH	TH/KH (%)	KH	TH	TH/KH (%)
1	Vốn vay	-	-	-	-	-	-
2	Vốn đối ứng	2,272	2,272	100	17,110	16,507	96,5
	Tổng cộng	2,272	2,272	100	17,110	16,507	96,5

II. KẾ HOẠCH NĂM 2021

1. Nội dung công việc

Trong năm 2021, thực hiện đánh giá dự án sau 2 năm vận hành và thẩm tra, quyết toán dự án.

2. Kế hoạch vốn

Kế hoạch giải ngân trong năm 2021 là 1.443 triệu đồng. Trong đó, chi phí Tư vấn quản lý dự án, Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật là 386 triệu đồng và chi phí thẩm tra, quyết toán dự án là 1.057 triệu đồng. Chi tiết như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	KH 2021	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Khối lượng	1.443	-	386	1.057	-
	Vốn vay	-	-	-	-	-
	Vốn đối ứng	1.443	-	386	1.057	-

2	Giải ngân	1.443	-	386	1.057	
	Vốn vay	-	-	-	-	-
	Vốn đối ứng	1.443	-	386	1.057	

Số: /BC-HĐQT

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 4 năm 2021

DỰ THẢO BÁO CÁO
Tình hình quản trị Công ty năm 2020
và Kế hoạch hoạt động năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về kết quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 như sau:

Phần I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết số 77/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua những khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.571,1	2.515,7	97,85
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.543,1	2.496,5	98,17
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.859.098	1.754.954	94,40
4	Tổng chi phí	Tr.đ	1.091.431	954.357	87,44
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	767.667	800.597	104,29
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	614.079	665.296	108,34
7	Cổ tức	%	14	14	100

2. Công tác Đầu tư xây dựng - Đầu tư phát triển



Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Đã hoàn thành công tác khoan nổ 929m hầm còn lại vào ngày 14/12/2020; kế hoạch giải ngân là 91.377 triệu đồng, thực hiện giải ngân là 87.143 triệu đồng, đạt 95,37%. Nhà máy Thủy điện Đa Nhim mở rộng sản xuất được 239,74 triệu kWh.

Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Công ty đã báo cáo UBND tỉnh Ninh Thuận xin chủ trương thực hiện Dự án. UBND tỉnh Ninh Thuận đã có Văn bản số 1162/UBND-KTKH ngày 12/3/2021 thống nhất theo đề xuất của Công ty về việc lập hồ sơ bổ sung Dự án vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia (Quy hoạch điện VIII). Công ty đang phối hợp với Sở Công Thương tỉnh Ninh Thuận và Viện Năng lượng để thực hiện các thủ tục bổ sung Dự án vào Quy hoạch Điện VIII.

Dự án điện mặt trời Đa Mi: Kế hoạch giải ngân là 17.110 triệu đồng, thực hiện giải ngân 16.507 triệu đồng đạt 96,50% kế hoạch. Trong năm, Nhà máy điện mặt trời Đa Mi sản xuất được 71,50 triệu kWh.

Công tác đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển: Kế hoạch là 139.414 triệu đồng, thực hiện là 119.389 triệu đồng, đạt 85,64% kế hoạch.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	Tr.đ	91.377	87.143	95,37
3	Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	Tr.đ	17.110	16.507	96,48
4	Đầu tư phát triển	Tr.đ	30.927	15.739	50,89

3. Công tác đầu tư tài chính

Trong năm, Công ty góp vốn bổ sung vào Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình 22.400 triệu đồng theo chỉ đạo của Tổng công ty Phát điện 1; nhận cổ tức từ các công ty con, công ty liên kết 8.108 triệu đồng.

4. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số người	Thực hiện
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	849,54
2	Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	1	685,80
3	Thù lao Kiểm soát viên	2	262,90
	Tổng cộng		1.798,24

5. Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.

6. Phân phối lợi nhuận 2019

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện phân phối lợi nhuận theo Điều 7 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.

7. Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 8 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020.

8. Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp: Xếp loại A.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

1. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến thành viên HĐQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Trong năm, HĐQT đã thực 6 cuộc họp và 53 lượt lấy phiếu ý kiến để thực hiện các nghị quyết đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; hoạch định kế hoạch kinh doanh theo quý, năm; quyết định hoặc thông qua các nội dung về công tác đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. HĐQT đã ký ban hành 40 nghị quyết và 19 quyết định, trong đó:

- Nghị quyết họp ĐHĐCĐ: 01;
- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua cuộc họp: 06;
- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua lấy ý kiến bằng văn bản: 52

Công ty đã ban hành quyết định áp dụng các quy định, quy chế dùng chung trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty Phát điện 1.

(Chi tiết nội dung các Nghị quyết, Quyết định ban hành trong năm 2020 theo Phụ lục đính kèm)

2. Chi trả cổ tức năm 2019

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông với tỉ lệ 24%.

3. Công tác phối hợp Ban kiểm soát

Phối hợp tốt với Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và các hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Tập thể Lãnh đạo và người lao động trong Công ty đoàn kết, đa số đều có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vị trí công việc, đặc biệt là tinh thần trách nhiệm cao và sự nỗ lực, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ là những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công và giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

1. Đánh giá về tình hình tài chính Công ty

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền lợi liên quan và vì sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Các chỉ tiêu cơ bản về đánh giá tình hình tài chính và khả năng sinh lợi của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2019	2020
1	Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	%	21,24	17,89
2	Tài sản dài hạn/tổng tài sản	%	78,76	82,11
3	Hệ số nợ/vốn Chủ sở hữu	lần	0,49	0,44
4	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	lần	2,47	3,68
5	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	2,59	3,77
6	Tỷ suất doanh thu thuần/Tổng vốn	%	23,78	20,19
8	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (ROE)	%	17,41	11,01
9	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	11,45	7,51

Nhận xét:

Về cơ cấu nguồn vốn: Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn so với tài sản ngắn hạn là phù hợp với đặc thù của ngành sản xuất điện. Năm 2020, tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm do doanh thu giảm làm cho tài sản ngắn hạn giảm.

Về hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu: Hệ số nợ giảm so với năm 2019. Lợi nhuận trong năm 2020 thấp hơn năm trước nên vốn chủ sở hữu giảm, tổng nợ cũng giảm với tốc độ giảm cao hơn tốc độ giảm của lợi nhuận nên hệ số nợ giảm.

Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán tăng so với năm 2019 và ở mức cao.

Các chỉ số về khả năng sinh lợi năm 2020 thấp hơn năm 2019 do doanh thu sản xuất điện và lợi nhuận giảm, tổng tài sản cũng giảm nhưng tốc độ giảm thấp hơn tốc độ giảm doanh thu nên khả năng sinh lợi giảm.

2. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

HDQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, Tổng công ty Phát điện 1 và người lao động, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Căn cứ Điều lệ và các Quy chế quản lý điều hành Công ty, HDQT đã thường xuyên kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HDQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HDQT cũng đã tham gia vào những hoạt động quan trọng về chiến lược kinh doanh, cơ chế làm việc và một số vấn đề kinh doanh khác.

Hoạt động của HDQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp, kịp thời; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc.

Các nghị quyết, quyết định của HDQT, Ban Tổng Giám đốc dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HDQT và sự đồng thuận của các cổ đông.

Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định về nội dung.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Mục tiêu

- a) Đảm bảo hệ thống công trình, thiết bị và các tổ máy phát điện vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả;
- b) Vận hành khai thác an toàn, tối ưu các hồ chứa và đảm bảo cấp nước hạ du;
- c) Hoàn thành kế hoạch doanh thu, chi phí, lợi nhuận, tỉ lệ cổ tức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tài chính, năng suất lao động;
- d) Hoàn thành các hạng mục còn lại của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim và phát điện tổ máy H5 với công suất 80 MW trong quý 3/2021;
- e) Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Nhiệm vụ

- Cập nhật, hiệu chỉnh và bổ sung các quy trình, quy định, hướng dẫn công việc đối công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, kỹ thuật, an toàn.
- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao kỷ luật vận hành, công tác sửa chữa để đảm bảo toàn bộ thiết bị, tổ máy vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, tổ máy linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế để thuận lợi trong việc chào giá nhằm tăng doanh thu đồng thời đảm bảo tiến độ sửa chữa.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, xây dựng đội ngũ nhân lực kế thừa, năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong toàn Công ty, nâng cao hiệu quả trong công tác xử lý văn bản, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Bảo vệ tốt môi trường, an toàn trong lao động; không để xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn trong lao động.
- Hoàn thành toàn bộ Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim trong quý 3/2021.

- Bổ sung Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2 vào Quy hoạch Điện VIII.

- Hoàn thiện các quy chế, quy định áp dụng trong công tác quản trị nội bộ, đẩy mạnh công tác quản lý và giám sát trong quá trình hoạt động của Công ty.

b) Giải pháp

- Tăng cường kỷ luật trong công tác quản lý vận hành, kỹ thuật, đảm bảo các tổ máy phát điện sẵn sàng phát điện, hoàn thành kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

- Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ, tối ưu hóa chi phí.

- Xây dựng lực lượng nhân lực kế thừa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực quản trị của Công ty.

- Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số của Công ty.

- Hoàn thiện công tác quản trị nội bộ, thực hiện tốt công tác AT-VSLĐ, PCCN, BVMT, PCTT&TKCN, ANTT.

- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đơn đốc BQLDA, Nhà thầu, Tư vấn đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành toàn bộ Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, vận hành thương mại đủ công suất thiết kế 80MW trong quý 3/2021.

Nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, HĐQT sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao vai trò từng thành viên HĐQT để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty nhằm đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

Phần III

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN NĂM 2021 TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.438,00
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.415,30
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.702.240

4	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.032.852
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	669.388
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	535.510

2. Chỉ tiêu đầu tư:

- a) Đầu tư xây dựng: 143.263 triệu đồng
b) Đầu tư phát triển và KHCB: 26.945 triệu đồng.

3. Chỉ tiêu cổ tức: 14%

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Oánh

Phụ lục
DANH MỤC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2020
(Đính kèm Báo cáo số /BC-HĐQT ngày...../4/2021)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày phát hành	Hình thức (Họp/Xin ý kiến bằng VB)	Nội dung
1	01/NQ-TĐĐHĐ	03/01/2020	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc áp dụng biện pháp thi công khoan nổ trong Thiết kế kỹ thuật cho đoạn hầm còn lại từ lý trình Km0+077,10 đến Km1+006,15 Công trình: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
2	02/NQ-TĐĐHĐ	06/01/2020	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2019 đợt 1
3	03/QĐ-TĐĐHĐ	07/01/2020	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc áp dụng biện pháp thi công khoan nổ trong Thiết kế kỹ thuật cho đoạn hầm còn lại từ lý trình Km0+077,10 đến Km1+006,15 Công trình: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
4	11/QĐ-TĐĐHĐ	04/02/2020	Họp	Quyết định về việc bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
5	14/NQ-TĐĐHĐ	11/02/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Phụ lục E của hợp đồng số 53/2016/HĐTV-TĐĐHĐ-TVĐ2 Gói thầu: Mô tả địa chất hố móng Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim

6	15/QĐ-TĐĐHĐ	11/02/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thẩm tra Thiết kế kỹ thuật bổ sung cập nhật Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
7	20/QĐ-TĐĐHĐ	18/02/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc phê duyệt tiền nhân công quyết toán sửa chữa lớn tự làm năm 2019
8	21/NQ-TĐĐHĐ	18/02/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc chi trả cổ tức năm 2019 đợt 2
9	22/QĐ-TĐĐHĐ	20/02/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2019
10	23/QĐ-TĐĐHĐ	25/02/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Dự toán “Các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định và đầu tư phát triển năm 2020” - Đợt 1
11	27/NQ-TĐĐHĐ	05/3/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thế chấp hợp đồng tiền gửi để vay ngắn hạn chi trả cổ tức năm 2019 đợt 2 cho Tổng công ty Phát điện 1
12	28/NQ-TĐĐHĐ	06/3/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020
13	31/NQ-HĐQT	09/03/2020	Họp	Nghị quyết họp HĐQT lần 1 năm 2020
14	33/QĐ-TĐĐHĐ	10/3/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ Thiết kế kỹ thuật bổ sung cập nhật và Dự toán chi phí thi công khoan nổ Hạng mục: Đoạn hầm dẫn nước còn lại (929m hầm chuyển từ đào bằng TBM sang thực hiện bằng khoan nổ) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
15	35/QĐ-HĐQT	20/3/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Cung cấp xe ô tô các loại” thuộc các gói thầu đầu tư phát triển năm 2020

16	36/QĐ-TĐĐHĐ	24/3/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc phê duyệt Thiết kế kỹ thuật (bổ sung cập nhật) và Dự toán chi phí thi công khoan nổ Hạng mục: Đoạn hầm dẫn nước còn lại (929m hầm chuyển từ đào bằng TBM sang thực hiện bằng khoan nổ) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
17	39/NQ-TĐĐHĐ	31/3/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc cho Tổng công ty Phát điện vay ngắn hạn để khắc phục tình trạng khó khăn trong việc cân đối dòng tiền, đảm bảo vốn SXKD điện 6 tháng mùa khô năm 2020
18	40/NQ-TĐĐHĐ	31/3/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2019 đợt 3
19	41/NQ-TĐĐHĐ	31/3/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua dự thảo Hợp đồng huy động vốn với Tổng công ty Phát điện 1 để khắc phục tình trạng khó khăn trong việc cân đối dòng tiền, đảm bảo vốn SXKD điện 6 tháng mùa khô năm 2020.
20	47/NQ-HĐQT	13/4/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thay đổi kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
21	50/NQ-HĐQT	15/4/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Báo cáo quyết toán Dự án công trình thủy điện Hạ Sông Pha 1&2
22	54/QĐ-TĐĐHĐ	17/4/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thành lập Tổ Thẩm tra quyết toán Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi
23	55/NQ-TĐĐHĐ	23/4/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thế chấp Hợp đồng tiền gửi để vay ngắn hạn chi trả cổ tức năm 2019 đợt 3 cho Tổng công ty Phát điện 1
24	66/NQ-HĐQT	18/5/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Hợp đồng Mua bán điện sửa đổi bổ sung số 01 và Hợp đồng Mua bán điện sửa đổi bổ sung số 10
25	67/NQ-HĐQT	18/5/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm lại Trưởng, Phó các đơn vị trong Công ty

26	69/NQ-HĐQT	21/5/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
27	77/NQ-HĐQT	22/5/2020	Họp	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
28	78/NQ-TĐĐHĐ	26/5/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
29	79/NQ-HĐQT	26/5/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc chi trả cổ tức năm 2019 đợt cuối
30	81/NQ-HĐQT	27/5/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Quỹ tiền lương quyết toán thực hiện năm 2019 của Người lao động
31	85/NQ-HĐQT	03/6/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Phụ lục số 08 công tác thay đổi biện pháp và chi phí thi công đoạn hầm dẫn nước 929,05m còn lại (chuyển từ đào bằng TBM sang thực hiện bằng khoan nổ) của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
32	87/NQ-HĐQT	17/6/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Báo cáo xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha năm 2020
33	93/NQ-HĐQT	21/6/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 - Công ty cổ phần Thủy điện A Vương
34	96/NQ-HĐQT	03/7/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Quy chế phân phối lương sản xuất điện
35	98/QĐ-HĐQT	06/7/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc ban hành Quy chế phân phối lương sản xuất điện
36	106/NQ-HĐQT	21/7/2020	Họp	Nghị quyết họp HĐQT lần 2 năm 2020
37	110/NQ-HĐQT	30/7/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc bổ nhiệm lại, luân chuyển cán bộ, giao phụ trách các đơn vị trong Công ty



CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; website: www.dhd.com.vn

38	111/NQ-HĐQT	30/7/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua định mức sửa chữa thiết bị phụ không theo khối Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
39	112/QĐ-TĐĐHĐ	31/7/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc ban hành định mức sửa chữa thiết bị phụ không theo khối Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
40	122/QĐ-HĐQT	14/8/2020	Họp	Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin
41	125/NQ-HĐQT	24/8/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua các nội dung biểu quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 - Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình
42	127/NQ-HĐQT	28/8/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc bổ nhiệm lại cán bộ trong Công ty
43	131/NQ-HĐQT	10/9/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Quy chế sử dụng quỹ phúc lợi
44	135/QĐ-HĐQT	07/10/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc ban hành lần 3 Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng
45	137/NQ-TĐĐHĐ	13/10/2020	Họp	Nghị quyết họp HĐQT lần 3 năm 2020
46	138/NQ-TĐĐHĐ	13/10/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua kết quả thương thảo trước khi ký kết hợp đồng Gói thầu “Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Hàm Thuận”.
47	139/NQ-HĐQT	16/10/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc ký Phụ lục số 3 của Hợp đồng số 12/DHD-NARIME&COMA ngày 15/01/2016 của gói thầu số 12.02 - (DNE-D2): Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
48	140/NQ-HĐQT	19/10/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc bổ nhiệm cán bộ trong Công ty
49	141/NQ-HĐQT	20/10/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Phụ lục số 05 của Hợp đồng số 115/ DHD-ARIME&QIHUA ngày 29/5/2018 về việc thực hiện gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi



CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; website: www.dhd.com.vn

50	143/NQ-HĐQT	21/10/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Phụ lục hợp đồng số 7 của Hợp đồng số 353/DHD-MC, GPIL and AHF ngày 21/11/2016 thuộc Gói thầu số 12.03 - (DNE-D3): Cung cấp và lắp đặt thiết bị cơ điện Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
51	144/QĐ-HĐQT	29/10/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự toán xây dựng công trình các khối lượng bổ sung của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ký ngày 09/12/2015 để thực hiện gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng và kiến trúc công trình chính thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
52	145/QĐ-HĐQT	02/11/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc phê duyệt dự toán xây dựng công trình các khối lượng bổ sung - lần 1 chưa có đơn giá trong Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ký ngày 09/12/2015 để thực hiện gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng và kiến trúc công trình chính thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
53	146/NQ-HĐQT	04/11/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Phụ lục số 9 của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ký ngày 09/12/2015 để thực hiện gói thầu số 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng và kiến trúc công trình chính, Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim.
54	151/QĐ-HĐQT	15/11/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc phê duyệt điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi
55	155/QĐ-HĐQT	19/11/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc ban hành lần 3 Quy chế nâng lương
56	157/NQ-HĐQT	27/11/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc thông qua Phụ lục số 03 của Hợp đồng số 126/2018/EPC/TĐĐHĐ-PCC1+AIT+ATS ngày 21/6/2018 để thực hiện gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi

57	161/QĐ-HĐQT	21/12/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc phê duyệt danh mục và nguồn vốn mua sắm tài sản cố định năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
58	163/NQ-HĐQT	24/12/2020	Họp	Nghị quyết họp HĐQT lần 4 năm 2020
59	164/NQ-HĐQT	29/12/2020	Xin ý kiến bằng VB	Về việc phê duyệt khối lượng, dự toán bổ sung và điều chỉnh giá Hợp đồng số 126/2018/EPC/TĐĐHĐ-PCC1+AIT+ATS ngày 21/6/2018 để thực hiện gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV, Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi

Ghi chú:

- Nghị quyết họp ĐHĐCĐ: 01;
- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua cuộc họp: 06;
- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua lấy ý kiến bằng văn bản: 52

BÁO CÁO

Của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021

Thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về hoạt động kiểm soát năm 2020, tình hình và kết quả SXKD của Công ty và kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2020 như sau:

Phần I

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty, qua đó nắm bắt chủ trương và chỉ đạo của HĐQT, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban TGD, phối hợp với Ban điều hành nhằm nâng cao công tác quản trị trong Công ty phấn đấu đạt các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông năm 2020 giao.

- Hoàn thành chương trình, nhiệm vụ kiểm soát hàng năm: Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Công ty. Thực hiện kiểm soát định kỳ đối với các hoạt động của Công ty.

- Sau mỗi đợt kiểm soát, Ban kiểm soát đều có báo cáo kết quả kiểm soát cùng các kiến nghị cụ thể để góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và điều hành của công ty nhằm thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường kịp thời đến các cổ đông theo quy định.

Phần II

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2020 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	1.859.098	1.754.954	94,40
2	Tổng chi phí	Tr. đồng	1.091.431	954.357	87,44
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	767.667	800.597	104,29
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	614.079	665.296	108,34
5	Cổ tức	%	14	14	100

II. KẾT QUẢ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

1. Đánh giá chung:

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty đã được lập theo quy định của chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam. Số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

Theo ý kiến của Kiểm toán viên độc lập - Công ty TNHH KPMG, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty.

2. Một số nội dung chủ yếu trong BCTC tại thời điểm 31/12/2020

a) Báo cáo tài chính riêng:

- Tài sản ngắn hạn	:	1.467.119 triệu đồng
- Tài sản dài hạn	:	6.522.793 triệu đồng
Tổng cộng tài sản	:	7.989.912 triệu đồng
- Nợ phải trả	:	2.244.209 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu	:	5.745.703 triệu đồng
Tổng cộng nguồn vốn	:	7.989.912 triệu đồng

b) Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Tài sản ngắn hạn	:	1.494.459 triệu đồng
- Tài sản dài hạn	:	6.857.513 triệu đồng
Tổng cộng tài sản	:	8.351.972 triệu đồng
- Nợ phải trả	:	2.551.926 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu	:	5.749.605 triệu đồng
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	:	50.441 triệu đồng
Tổng cộng nguồn vốn	:	8.351.972 triệu đồng

3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	22,02	18,36
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	77,98	81,64
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	30,76	28,09
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	69,24	71,91
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	2,47	3,68
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,59	3,77
4	Hiệu quả			
	Tỷ suất LNST /VCSH	%	17,60	11,20
	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	%	11,96	7,90

Phân tích các chỉ số tài chính cơ bản năm 2020 cho thấy:

- Cơ cấu tài sản: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn giảm so với năm 2019 chủ yếu do tình hình thủy văn kém thuận lợi nên doanh thu giảm, dẫn đến số dư tiền và khoản phải thu khách hàng giảm. Đồng thời, Công ty đã rà soát, hiệu chỉnh việc trình bày giá trị của vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế từ ngắn hạn sang dài hạn và thực hiện xuất kho vật tư dự phòng phục vụ công tác bảo dưỡng sửa chữa trong năm.

- Cơ cấu tổng nguồn vốn: Trong cơ cấu tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng cao hơn nợ phải trả (nợ phải trả: 28,09%, vốn chủ sở hữu: 71,91%), điều này phản ánh tình hình tài chính độc lập, ít phụ thuộc vào nguồn vốn huy động từ bên ngoài. Tỷ trọng nợ phải trả giảm so với năm 2019 chủ yếu do Công ty đã hoàn thành chi trả cổ tức năm 2019; thanh toán cho các nhà thầu nên khoản phải

trả người bán giảm; trả lương quyết toán năm 2019 nên phải trả người lao động giảm; đồng thời, Công ty đã thanh toán vay dài hạn đến hạn trả nên số dư nợ vay cũng giảm.

- Khả năng thanh toán: khả năng thanh toán ngắn hạn (3,77), khả năng thanh toán nhanh (3,68) đều ở mức cao và tăng so với đầu năm cho thấy tình hình tài chính lành mạnh của Công ty.

- Hiệu quả sử dụng vốn: Hệ số sinh lời tổng tài sản (ROA) 7,90% và hệ số sinh lời vốn chủ sở hữu (ROE) 11,20% đều >0 cho thấy Công ty hoạt động có hiệu quả sinh lời. Khả năng sinh lời năm 2020 giảm so với năm 2019 do lợi nhuận giảm.

Thông qua các chỉ tiêu tài chính, Ban kiểm soát nhận thấy tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, đảm bảo khả năng trả nợ.

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các số liệu tài chính của Công ty như kết quả Ban kiểm soát đã thẩm tra xem xét.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN TGD

- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ hàng quý, ngoài ra đề có những chỉ đạo kịp thời công tác sản xuất kinh doanh HĐQT cũng thường xuyên lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành họp 5 lần đề ra các nghị quyết nhằm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và 53 lượt xin ý kiến bằng văn bản đề ra các nghị quyết, quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã giám sát chỉ đạo chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. HĐQT đã phối hợp tốt cùng với Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ 2020 đề ra.

- Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư tuân thủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, phù hợp với nhiệm vụ được giao.

- Nhìn chung, trong năm 2020 Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Phần III

KIẾN NGHỊ

Qua công tác giám sát, kiểm tra Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Phối hợp với Ban quản lý dự án và Tư vấn giám sát đơn đốc nhà thầu tập trung nguồn lực thi công đoạn hầm còn lại an toàn, hiệu quả nghiệm thu đưa đường hầm vào sử dụng trong tháng 7/2021 và phát điện đạt công suất thiết kế 80MW.
- Giám sát Bộ Công thương và các cơ quan liên quan sớm phê duyệt điều chỉnh Hợp đồng Tư vấn giám sát để có cơ sở thanh toán cho nhà thầu.
- Tiếp tục hoàn thiện công tác mua sắm vật tư thiết bị, khắc phục các tồn tại Ban kiểm soát đã nêu trong các biên bản kiểm soát.

Phần IV

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

Năm 2021, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Giám sát việc chấp hành và thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, phối hợp và giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích của cổ đông.

Nhằm thực hiện tốt mục tiêu trong năm 2021, Ban kiểm soát phân đầu thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời.
- Thực hiện kiểm soát định kỳ 6 tháng/lần theo quy định.
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm của Công ty.
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- TV BKS;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Ngô Thế Long

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện
Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Để phục vụ cho công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 được kịp thời, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Công ty TNHH KPMG là công ty kiểm toán có uy tín, đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2016 đến nay.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Ngô Thế Long

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ mẫu áp dụng với công ty đại chúng quy định tại Phụ lục I Thông tư 116/TT-BTC ngày 31/12/2020, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ của Công ty theo Phụ lục đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2021;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Oánh

Phụ lục
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY
(Kèm theo Tờ trình số .../TTr-TĐDHD ngày .../.../2021)

STT	Điều/khoản sửa đổi	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi
1	Điểm b, c, f, g, j khoản 1 Điều 1	<p>Điều 1. Giải thích từ ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:</p> <p>a) <i>Vốn điều lệ</i> là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>đ) <i>Việt Nam</i> là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	Phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019

	<p>Giám đốc), Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>f. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>g. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>h. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>i. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>j. “Cổ đông” là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một (01) cổ phần đã phát hành của Công ty.</p>	<p>e) <i>Ngày thành lập</i> là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>i) <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>k) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>l) <i>Cổ đông sáng lập</i> là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</p> <p>m) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>n) <i>Thời hạn hoạt động</i> là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</p>	
--	--	---	--

			o) <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	
2		Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	Phù hợp với quy định tại Điều 2 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC
3	Điều 5	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Sửa đổi Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty như sau: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.	Phù hợp với quy định tại Điều 5 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC
4	Khoản 5, 6 và 7 Điều 6	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập như sau: 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công	Phù hợp với quy định tại Điều 6 Phụ lục I Thông tư

		<p>quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p>	116/2020/TT-BTC
5	Khoản 2 và 4 Điều 7	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phần</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo</p>	<p>Sửa đổi Điều 7. Chứng nhận cổ phần như sau:</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải</p>	Phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019

		<p>quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p>có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	<p>Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
6	<p>Khoản 1, 4 và 5 Điều 10</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Sửa đổi Điều 10. Thu hồi cổ phần như sau:</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều 10 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không vượt quá lãi suất trần huy động do Ngân hàng Nhà nước quy định) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	
7	Điều 12	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 12. Quyền của cổ đông như sau:</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 115, khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019</p>

	<p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;</p> <p>j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p>	
--	---	---	--

	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức,</p>	
--	--	--	--



		<p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	
--	--	--	--	--

			làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	
8	Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 13	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. 	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông như sau:</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. 3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 	Phù hợp với quy định tại Điều 119, khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020

		<p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p> <p>8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
9	Điều 14	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 14. Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 138; khoản 1, 2 Điều 139 và Điều 140</p>

	<p>trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một</p>	<p>mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Khoản 4 Điều 273 NB 155/2020/NĐ-CP</p>
--	--	---	---

	<p>phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3</p>	<p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;</p> <p>đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp</p>	
--	---	---	--

	<p>Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d) Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	
--	--	--	--

10	Khoản 1, 2 và 3 Điều 15	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban Kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p>	<p>Sửa đổi Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét quyết định ký kết hợp đồng mua bán điện với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Công ty Mua bán điện);</p> <p>i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Phù hợp với thực tế tại Công ty</p>
----	-------------------------	---	---	--

	<p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn</p>	<p>l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>n) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;</p>	
--	---	---	--

	<p>35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>p. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	<p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	
--	--	---	--

			<p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
11	Điều 16	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo</p>	<p>Sửa đổi Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều 16 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ các trường hợp:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự</p>	
--	---	--	--

		<p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
12	Khoản 1 và 2 Điều 17	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị</p>	<p>Sửa đổi Điều 17. Thay đổi các quyền như sau:</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 17 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</p>	<p>hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.</p>	
13	Điều 18	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi, bổ sung Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông như sau:	Phù hợp với quy định tại khoản 1, 5 Điều 140;

	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các</p>	<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	<p>khoản 2, 3, 4 Điều 142; Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
--	--	--	--

	<p>công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; c. Phiếu biểu quyết; d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; c) Phiếu biểu quyết; 	
--	---	---	--

	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung</p>	
--	--	--	--

		<p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	
14	Điều 19	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất [năm mươi một (51)%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định</p>	<p>Sửa đổi Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	<p>Phù hợp với Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.		
15	Điều 20	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội</p>	Phù hợp với quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp 2020

	<p>thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	
--	---	---	--

	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	<p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội</p>	
--	---	---	--

	<p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p> <p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp</p>	<p>đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
--	---	--	--

	<p>cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội. Với sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng Cổ đông bằng điện thoại, hoặc bằng các phương tiện điện tử khác với điều kiện mỗi cổ đông này phải nghe được những cổ đông khác có mặt tại Đại hội và các cổ đông có mặt phải nghe hoặc hiểu rõ những gì cổ</p>	<p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12</p>	
--	--	---	--

		<p>đồng này cho ý kiến. Hình thức tham dự này được xem như tương đương với việc đích thân tham dự. Trong trường hợp đó, việc bỏ phiếu sẽ được tiến hành theo cách thức phù hợp với phương tiện trao đổi thông tin.</p> <p>12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p>	<p>năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
16	Khoản 1, 2 và 3 Điều 21	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng Giám đốc.</p>	<p>Sửa đổi Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua như sau:</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		<p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	
17	<p>Khoản 1, 2; Điểm c, g khoản 3; Khoản 4, 5; Điểm e, f khoản 6; Khoản 7, 9</p>	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp</p>

	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong</p>	
--	---	---	--

	<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p>	<p>bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong</p>	
--	---	---	--

		<p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất [51%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
18	Điểm i khoản 1, khoản 2, 3, 4 và 5	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp</p>	<p>Sửa đổi Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều 23 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
19	Điều 24	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như sau:	Phù hợp với quy định tại Điều

		<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng [30] ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	<p>151 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều 24 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
20	Điều 25	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi, bổ sung Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị như sau:	Phù hợp với quy định tại Điều 274 Nghị định

	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b. Trình độ học vấn;</p> <p>c. Trình độ chuyên môn;</p> <p>d. Quá trình công tác;</p> <p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p>	<p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức</p>	155/2020/NĐ-CP
--	--	--	----------------

	<p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải</p>	<p>đanh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
--	--	---	--

		được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.		
21	Khoản 1, 2 và 3	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn 11 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>- Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- Đối với công ty niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn 03 người và không nhiều hơn 11 người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

		<p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>		
22	Điều 27	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>Điều 27 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>đồng quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p>	<p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Hội đồng quản trị căn cứ các quy định liên quan quy định chi tiết vấn đề này;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty</p>	
--	---	---	--

	<p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn, thủ tục trả cổ tức, mức tạm ứng cổ tức hàng năm;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p>	<p>quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>	
--	---	--	--

	<p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá năm (05) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc</p>	<p>sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
--	--	--	--

		<p>trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>		
23	Khoản 1 và 2	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi, bổ sung Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị như sau:	Phù hợp với quy định tại Điều

		<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	<p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao và thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao và thưởng cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao và thưởng này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>163 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 28 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
24	Điều 29	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Sửa đổi, bổ sung Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị như sau:	Phù hợp với quy định tại Điều

	<p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>156 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 29 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
--	---	--	---

			<p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
25	Điều 30	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều 30 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>a. Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Các trường hợp khác (nếu có).</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	
--	---	--	--

	<p>phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu</p>	<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường</p>	
--	--	---	--

	<p>quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p>	<p>họp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	
--	---	---	--

	<p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu</p>	<p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
--	--	--	--

	<p>quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội</p>		
--	--	--	--

	<p>đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số</p>		
--	---	--	--

		<p>phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p> <p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>		
26	Điều 31	<p>Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội</p>	<p>Sửa đổi Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 31 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p>	<p>ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	
27	Khoản 1, 2, 3 và điểm i khoản 4 Điều 32	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty như sau:</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được</p>	Phù hợp với quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

		<p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
28	Điều 33	<p>Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Bộ máy quản lý Công ty gồm một (01) Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm</p>	<p>Sửa đổi Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý như sau:</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Bộ máy quản lý Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 33 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.	các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	
29	Điều 34	<p>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 34. Người điều hành Công ty như sau:</p> <p>1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</p> <p>2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	Phù hợp với quy định tại Điều 34 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC

30	Khoản 1, 2, 3 và 4	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc như sau:</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p>	Phù hợp với quy định tại Điều 35 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC
----	--------------------	---	--	---

	<p>thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p>	<p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
--	--	---	--

		<p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p>		
31	Khoản 2	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải</p>	<p>Sửa đổi Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát như sau:</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 36 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.	
32	Khoản 2, 4 và 5 Điều 37	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p>	<p>Sửa đổi Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát như sau:</p> <p>2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Điều 37 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	<p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	
33	Khoản 3 Điều 37	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 38. Trưởng ban Kiểm soát như sau:</p> <p>1. Trưởng ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban Kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều 38 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	
34	Khoản 1 Điều 38	<p>Điều 38. Ban Kiểm soát</p> <p>1. Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</p> <p>Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>Điều 39 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
35	Khoản 3 Điều 38	<p>Điều 38. Ban Kiểm soát</p> <p>3. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát</p> <p>1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi</p>	Phù hợp với quy định tại Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

		họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.	<p>biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	Điều 40 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC
36	Khoản 4 Điều 38	<p>Điều 38. Ban Kiểm soát</p> <p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát như sau:</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Điều 41 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

			<p>đồng chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	
37	Điều 40	<p>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả</p>	<p>Sửa đổi Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi như sau:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ</p>	Phù hợp với quy định tại Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

	<p>các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và</p>	
--	--	--	--

	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm (20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp</p>	<p>lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	
--	---	---	--

		<p>đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>		
38	Khoản 2 và 3 Điều 41	<p>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng</p>	<p>Sửa đổi Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường như sau:</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	Phù hợp quy định tại Điều 48 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC

		<p>xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>		
39	Khoản 1	<p>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ như sau:</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 49 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	
40	Khoản 4 và 5	<p>Điều 44. Phân phối lợi nhuận</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ</p>	<p>Sửa đổi Điều 47. Phân phối lợi nhuận như sau:</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 51 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>đồng này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	
41	Khoản 1	<p>Điều 45. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p>	<p>Sửa đổi Điều 48. Tài khoản ngân hàng như sau:</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 52 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
42	Điều 48	<p>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi</p>	<p>Sửa đổi Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý như sau:</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC</p> <p>Điều 55 Phụ lục I Thông tư</p>

	<p>kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng</p>	<p>chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	116/2020/TT-BTC
--	---	---	-----------------

		được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.		
43	Điều 50	<p>Điều 50. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông</p>	<p>Sửa đổi Điều 53. Kiểm toán như sau:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	Phù hợp với quy định tại Điều 57 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC

		được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.		
44	Điều 51	<p>Điều 51. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Sửa đổi Điều 54. Dấu của doanh nghiệp như sau:</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	Phù hợp với quy định tại Điều 58 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC
45	Điểm a, b và c khoản 1	<p>Điều 52. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p>	<p>Sửa đổi Điều 55. Giải thể công ty như sau</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p>	Phù hợp với quy định tại Điều 207 Luật Doanh nghiệp 2020

46	Khoản 1 và 2	<p>Điều 57. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi nhất trí thông qua ngày 22 tháng 05 năm 2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 60. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại Điều 64 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
----	--------------	--	--	--

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định tại Phụ lục III Thông tư 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Oánh

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần
Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện
Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi. (chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BKS

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Ngô Thế Long

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 22/5/2020.

Để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định tại Phụ lục II Thông tư 116/TT-BTC ngày 31/12/2020 và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Phụ lục đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- HĐQT (để b/c);
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Oánh

Phụ lục
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Kèm theo Tờ trình số .../TTr-TĐĐHD ngày .../.../2021)

STT	Nội dung cũ	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
1	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p> <p>3. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;</p> <p>7. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>9. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>3. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019;</p> <p>7. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>9. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán 2019;</p>	Phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019
2	Chương II TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Chương II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
3		<p>Bổ sung Điều 6. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại</p>	Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 Phụ lục 2

		<p>hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể trong Điều lệ công ty.</p> <p>3. Tùy theo tình hình thực tế Công ty có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng các hình thức sau:</p> <p>a) Họp trực tiếp: Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự trực tiếp tại địa điểm Công ty thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>b) Hội nghị trực tuyến.</p>	<p>Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Điều 14 Điều lệ công ty</p>
4	<p>Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung như sau:</p> <p>Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 2 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>1. Các hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>Tùy theo tình hình thực tế Công ty có thể tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họp trực tiếp: Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự trực tiếp tại địa điểm Công ty thông báo tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên. - Họp trực tuyến: <p>+ Để đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức đúng thời gian quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng hình thức họp trực tuyến khi: Xảy ra các tình huống bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh...không cho phép Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bằng hình thức trực tiếp;</p> <p>+ Sử dụng các ứng dụng họp trực tuyến để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp, Công ty cung cấp user hoặc đường link cho các cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức đại hội ban hành trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường</p>	<p>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường và quyết định các vấn đề sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông; b) Ngày đăng ký cuối cùng; c) Chương trình và nội dung cuộc họp: Xác định cơ cấu cuộc họp, các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; d) Các thủ tục trong việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tới các cổ đông; đ) Hình thức và nội dung, cách thức biểu quyết; Báo cáo của các bộ phận tại cuộc họp. e) Các công việc khác quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty <p>2. Lập và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; 	<p>Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty</p>
--	--	--

<p>niên hàng năm; Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (E-Voting) quy định chi tiết tại Hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử theo phụ lục đính kèm.</p> <p>2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Đưa ra các quyết định triệu tập họp</p> <p>Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông; - Ngày đăng ký cuối cùng; - Chương trình và nội dung cuộc họp: Xác định cơ cấu cuộc họp, các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; - Các thủ tục trong việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tới các cổ đông; - Hình thức và nội dung, cách thức biểu quyết; Báo cáo của các bộ phận tại cuộc họp... <p>b) Lập danh sách cổ đông</p>	<p>b) Công ty phải gửi đầy đủ các tài liệu (Nghị quyết Hội đồng quản trị, thông báo chốt danh sách cổ đông,...) đồng thời công bố thông tin về ngày đăng ký cuối dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p> <p>3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu</p>	
---	---	--

<p>- Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>- Công ty phải gửi đầy đủ các tài liệu (nghị quyết Hội đồng quản trị, thông báo chốt danh sách cổ đông,...) đồng thời công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p> <p>3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Gửi thông báo mời họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc bằng phương thức bảo đảm kèm các tài liệu phục vụ trong chương trình họp, đồng thời công bố trên website của công ty, Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</p>	<p>rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp</p> <p>a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm a khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường</p>	
--	--	--

<p>- Đối với cổ đông bên ngoài Công ty: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến cổ đông qua đường bưu điện, bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc chuyển tận tay, hoặc gửi tới số fax, địa chỉ thư điện tử của cổ đông đó;</p> <p>- Đối với cổ đông là người làm việc trong Công ty: Thông báo sẽ được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay cổ đông tại nơi làm việc.</p> <p>c) Trường hợp Công ty đã đăng tải lên trang thông tin điện tử các tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp vẫn phải được gửi bằng phương thức bảo đảm, trong đó ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; 	<p>hợp quy định bị từ chối theo khoản 5 Điều 18 Điều lệ công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm</p>	
--	---	--

<p>- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp; - Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự Đại hội đồng cổ đông, có thể ủy quyền lại cho người khác tham dự. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản có ghi rõ phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và nội dung khác theo quy định của pháp luật. Và khi đến dự người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền, chứng minh thư (Hộ chiếu) cho Ban tổ chức Đại hội; - Từng cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết sẽ được Công ty cấp cho 01 thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó; - Cổ đông vẫn có quyền tham gia đại hội khi cuộc họp đã khai mạc và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. <p>5. Cách thức bỏ phiếu</p>	<p>văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp; b) Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự Đại hội đồng cổ đông, có thể ủy quyền lại cho người khác tham dự. Việc ủy quyền được quy định tại khoản 5 Điều này; c) Từng cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết sẽ được Công ty cấp cho 01 thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó; d) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. <p>7. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
--	--	--

<p>- Đại hội đồng cổ đông thực hiện nguyên tắc bầu cử trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín, theo phương thức dồn phiếu;</p> <p>- Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu cho từng chức danh, trong đó ghi rõ mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số quyền bầu cử;</p> <p>- Cổ đông bỏ phiếu vào thùng phiếu tuân tự theo quy định của Ban tổ chức Đại hội.</p> <p>6. Cách thức kiểm phiếu:</p> <p>Việc kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu tiến hành theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp theo cách thức: Kiểm số phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó kiểm số phiếu biểu quyết không tán thành sau rồi đến số phiếu không có ý kiến; Tổng hợp riêng kết quả mỗi loại.</p> <p>7. Thông báo kết quả kiểm phiếu:</p> <p>Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>8. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>a) Tỷ lệ đại biểu tham dự họp theo quy định phải được công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết;</p> <p>b) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;</p> <p>c) Trường hợp cuộc họp thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Điều lệ công ty.</p> <p>8. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;</p> <p>b) Định hướng phát triển công ty;</p> <p>c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p>	
--	---	--

<p>- Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua theo đúng quy định tại Điều 21 của Điều lệ công ty thì các phản đối của cổ đông không cần phải xem xét lại;</p> <p>- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>+ Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế này;</p> <p>+ Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty;</p> <p>+ Ngoài những quy định trên, cổ đông (người đại diện), thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chỉ có quyền phản đối các quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>9. Cách thức bỏ phiếu</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Người đăng ký dự họp sẽ sử dụng Thẻ biểu quyết đã được cấp để biểu quyết cho từng vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp;</p> <p>c) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định;</p> <p>d) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát</p>	
---	--	--

<p>ngay trước khi các quyết định đó được thông qua tại Đại Hội.</p> <p>9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>- Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung sau:</p> <p>+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</p> <p>+ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>+ Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>+ Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>+ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>+ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>+ Tổng số phiếu biểu quyết với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành</p>	<p>và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>- Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu cho từng chức danh, trong đó ghi rõ mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số quyền bầu cử;</p> <p>- Cổ đông bỏ phiếu vào thùng phiếu tuân tự theo quy định của Ban tổ chức Đại hội;</p> <p>- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>10. Cách thức kiểm phiếu</p>	
---	---	--

<p>và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>+ Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>+ Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;</p> <p>- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp. Việc công bố thông tin ra công chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng các văn bản khác có liên quan.</p>	<p>a) Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra lại số thẻ biểu quyết thu về so với số thẻ biểu quyết phát ra;</p> <p>b) Việc kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu tiến hành theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp theo cách thức: Kiểm số phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó kiểm số phiếu biểu quyết không tán thành sau rồi đến số phiếu không có ý kiến. Tổng hợp riêng kết quả mỗi loại.</p> <p>11. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p> <p>Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty.</p> <p>12. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>13. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số</p>	
---	--	--

<p>11. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>A. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>1. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2014. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành</p>	<p>lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;</p> <p>b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p> <p>14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; - Chương trình và nội dung cuộc họp; - Họ, tên chủ tọa và thư ký; 	
---	---	--

<p>lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải</p>	
---	---	--

<p>b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.</p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p>	<p>liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản;</p> <p>c) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;</p> <p>b) Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
---	---	--

<p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ) Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;</p> <p>B. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; 2. Định hướng phát triển Công ty; 	<p>Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Để đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức đúng thời gian quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có quyền quyết định tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến trong trường hợp xảy ra các tình huống bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh... không cho phép Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tiếp. 2. Sử dụng các ứng dụng họp trực tuyến để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp. Công ty cung cấp user hoặc đường link cho các cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức đại hội ban hành trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (E-Voting). 3. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; điều kiện tiến hành; hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và việc công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này. 4. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; cách thức bỏ phiếu trực tuyến; cách thức kiểm phiếu trực tuyến; thông báo kết quả kiểm phiếu và các vấn 	
--	---	--

<p>3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;</p> <p>5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;</p> <p>6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p>	<p>đề khác liên quan thực hiện theo quy định về Hướng dẫn thực hiện bỏ phiếu điện tử của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).</p> <p>Điều 9. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp 2020. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên</p>	
--	--	--

		<p>lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p>	
--	--	---	--

		<p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p>	
--	--	---	--

		<p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 7 Quy chế này.</p> <p>Điều 10. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	
--	--	--	--

		<p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>3. Ngoài những quy định trên, cổ đông (người đại diện), thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chỉ có quyền phản đối các quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngay trước khi các quyết định đó được thông qua tại Đại hội.</p>	
5	<p>Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; 	<p>Sửa đổi Điều 11. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị 2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty. 	Phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020

	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; - Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có); - Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có); - Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc; - Kết quả giám sát đối với người điều hành khác; - Các kế hoạch trong tương lai. 	<ol style="list-style-type: none"> 3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có). 5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có). 6. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc 7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác. 8. Các kế hoạch trong tương lai. 	
6	<p>Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; - Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; - Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; 	<p>Sửa đổi Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông như sau:</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. 2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng thành viên Ban Kiểm soát. 3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty. 4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát. 	Phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020

	<p>- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;</p> <p>- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;</p> <p>- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.</p>	<p>5. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty</p> <p>6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.</p> <p>7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.</p>	
7		<p>Bổ sung Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 3 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		b) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.	
8	<p>Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 2014;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.</p> <p>c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</p> <p>d) Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 14. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn 03 người và không nhiều hơn 11 người;</p> <p>b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2.1. Cách thức đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b) Trình độ học vấn;</p> <p>b) Trình độ chuyên môn;</p> <p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p>	<p>- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p> <p>c) Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.</p> <p>3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty đại chúng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành</p>	
---	---	--

<p>e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i) Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; - Trình độ chuyên môn; - Quá trình công tác; - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); - Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty; - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty. <p>Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách đề cử để đại hội thông nhất thông qua. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu</p>	
---	--	--

<p>a) Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 26 của Điều lệ công ty.</p> <p>b) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách đề cử đề đại hội thông nhất thông qua. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông (đại diện cổ đông) có mặt dự họp và tiến hành bầu cử và kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị. Người trúng cử vào Hội đồng quản trị phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này và phải đạt được từ 51% cổ phần trở lên có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>- Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p>	<p>cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông (đại diện cổ đông) có mặt dự họp và tiến hành bầu cử và kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Cách thức bầu cử được quy định tại điểm d khoản 9 Điều 7 Quy chế này. Người trúng cử vào Hội đồng quản trị phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>c) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty;</p> <p>d) Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>- Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p>	
--	--	--

<p>- Không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Có đơn xin từ chức;</p> <p>- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>b) Các trường hợp trên, thành viên Hội đồng quản trị khi bị miễn nhiệm phải được quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>5. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Việc đề cử ứng viên vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi đến Hội đồng quản trị đương nhiệm;</p> <p>b) Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công</p>	<p>- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này.</p> <p>6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>a) Việc đề cử ứng viên vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi đến Hội đồng quản trị đương nhiệm;</p> <p>b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt</p>	
---	--	--

	<p>ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	<p>động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị quy định tại khoản 5 Điều này.</p>	
9		<p>Bổ sung Điều 15. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 3 Phụ lục 2 Thông tư</p>

			116/2020/TT-BTC
10	<p>Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị cụ thể như sau:</p> <p>1. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <p>- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Sửa đổi Điều 16. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm</p> <p>Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <p>a) Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác theo quyết định</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 3 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>- Địa điểm họp: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị;</p> <p>- Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;</p> <p>- Tùy vào tình hình thực tế, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể mời thêm một số thành viên khác tham dự khi bàn những nội dung có liên quan.</p> <p>2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>- Triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của một trong số các đối tượng dưới đây nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ban Kiểm soát; + Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; + Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; + Các trường hợp khác (nếu có). 	<p>của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;</p> <p>c) Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty;</p> <p>d) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;</p> <p>e) Tùy vào tình hình thực tế, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể mời thêm một số thành viên khác tham dự khi thảo luận những nội dung có liên quan.</p> <p>4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị</p>	
--	---	--

<p>- Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>- Các điều kiện khác quy định theo Điều 153 - Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Cách thức biểu quyết</p> <p>- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.</p> <p>- Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm</p>	<p>Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>5. Cách thức biểu quyết</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 7 Điều này; - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty. <p>b) Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp</p>	
--	---	--

<p>nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. - Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. <p>5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản; - Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Thời gian, địa điểm họp; 	<p>6. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <p>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>8. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Thời gian, địa điểm họp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; 	
---	--	--

<p>- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>- Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p>Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:</p> <p>Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông báo cho Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản này.</p> <p>b) Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này (trừ nội dung “Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng”) thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>10. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông báo cho Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
---	--	--

11	<p>Chương V THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 13. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng.</p> <p>2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng.</p>	<p>Điều 17. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.</p> <p>2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 3 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
12	<p>Chương VIII NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY</p>	<p>Điều 18. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều</p>

<p>Điều 17. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu biết về pháp luật; - Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; - Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. <p>2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát; 	<p>1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; 	<p>3 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
---	---	--

<p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp, lập biên bản và nghị quyết cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty;</p> <p>j. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;</p>	<p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>k) Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty;</p> <p>l) Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;</p> <p>m) Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty;</p> <p>n) Đối với Người phụ trách quản trị công ty làm công tác kiêm nhiệm, được hưởng tiền thù lao kiêm nhiệm (mức thù lao do lãnh đạo Công ty thống nhất chi trả phù hợp với</p>	
--	--	--

	<p>k. Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty.</p> <p>l. Đối với Người phụ trách quản trị công ty làm công tác kiêm nhiệm, được hưởng thù lao kiêm nhiệm (mức thù lao do lãnh đạo Công ty thống nhất chi trả phù hợp với tình hình thực tế tại từng thời điểm), nguồn hạch toán vào quỹ lương người lao động của Công ty.</p> <p>m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>tình hình thực tế tại từng thời điểm), nguồn hạch toán vào quỹ lương người lao động của Công ty;</p> <p>o) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	
13	Chương IV BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN	Chương IV. BAN KIỂM SOÁT	

14		<p>Bổ sung Điều 19. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. 2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty. 3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. 4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty. 6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả. 	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
----	--	--	---

15	<p>Điều 11. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên:</p> <p>a) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; - Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó. <p>b) Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.</p> <p>c) Trưởng ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p> <p>2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:</p> <p>a) Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2, Điều 9 Quy chế này.</p> <p>b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công</p>	<p>Sửa đổi Điều 20. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần và cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát như sau:</p> <p>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;</p> <p>b) Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;</p> <p>c) Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam;</p> <p>d) Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a) Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; 	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 4 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
----	---	---	---

<p>ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>3. Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>a) Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên</p> <p>Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>b) Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>- Việc bầu cử Kiểm soát viên được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách đề cử để Đại hội thống nhất thông qua. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông (đại diện cổ đông) có mặt dự họp và tiến hành bầu cử và kiểm phiếu bầu cử Kiểm soát viên. Người trúng cử vào Ban Kiểm soát phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 4 của điều này và phải đạt được trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>- Việc bổ nhiệm các Kiểm soát viên phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>b) Trưởng ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</p> <p>3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 3 Điều 14 Quy chế này;</p> <p>b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p>	
--	--	--

<p>c) Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban Kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban Kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:</p> <p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>b) Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện tương tự quy định bầu thành viên Hội đồng quản trị tại khoản 4 Điều 14 Quy chế này.</p> <p>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp 2020; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. <p>b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty; - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. <p>6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</p>	
---	--	--

	<p>3. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định, tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>7. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 41 Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.</p>	
16	<p>Điều 12. Cuộc họp của Ban Kiểm soát</p> <p>1. Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa đổi Điều 21. Cuộc họp của Ban Kiểm soát như sau:</p> <p>1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	Phù hợp với Điều 40 Điều lệ công ty

	phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.		
17	Chương VI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Chương V TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
18	<p>Điều 14. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi Điều 22. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp như sau:</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Bộ máy quản lý Công ty gồm 01 Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, 01 Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p>	

	<p>Trình tự, thủ tục quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đề bạt bổ nhiệm giữ các chức vụ người điều hành doanh nghiệp phải theo quy định trong Quy chế về công tác cán bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sau khi được sự thống nhất thông qua của Chủ sở hữu - Tổng công ty Phát điện 1.</p> <p>3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Việc ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật lao động;</p> <p>4. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Thực hiện theo Quy chế về công tác cán bộ hiện hành của Công ty.</p> <p>5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Trình tự, thủ tục quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đề bạt bổ nhiệm giữ các chức vụ người điều hành doanh nghiệp phải theo quy định trong Quy chế về công tác cán bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sau khi được sự thống nhất thông qua của Chủ sở hữu - Tổng công ty Phát điện 1.</p> <p>3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Việc ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định pháp luật về lao động.</p> <p>4. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Thực hiện theo Quy chế về công tác cán bộ hiện hành của Công ty.</p> <p>5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	
19		<p>Bổ sung Điều 23. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc như sau:</p> <p>1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Phụ lục 2</p>

		<p>đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p>	<p>Thông tư 116/2020/TT- BTC</p>
--	--	---	--

		<p>i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</p>	
20		<p>Bổ sung Điều 24. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc như sau:</p> <p>1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc</p> <p>a) Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;</p> <p>b) Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế về công tác cán bộ của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, miễn nhiệm và thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 22 Quy chế này.</p> <p>3. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

		<p>a) Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>b) Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
21		Chương VI. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	
22	<p>Điều 15. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</p> <p>1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; - Biên bản kết quả họp, Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để đảm bảo được thực hiện và giám sát; <p>2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban Kiểm soát:</p>	<p>Sửa đổi Điều 25. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc như sau:</p> <p>1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; b) Biên bản kết quả họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc để đảm bảo được thực hiện và giám sát. <p>2. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</p>	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

<p>Tất cả các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được cung cấp đến Ban Kiểm soát.</p> <p>3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có yêu cầu của một nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ công ty; - Có bằng chứng cho thấy cần phải triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu không sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty; - Có đầy đủ bằng chứng cho rằng Hội đồng quản trị thực hiện nghị quyết của mình có thể sẽ ảnh hưởng lợi ích của Công ty, vi phạm pháp luật Nhà nước; - Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; <p>4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm 	<ul style="list-style-type: none"> a) Khi có yêu cầu của một nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ công ty; b) Có bằng chứng cho thấy cần phải triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu không sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty; c) Có đầy đủ bằng chứng cho rằng Hội đồng quản trị thực hiện nghị quyết của mình có thể sẽ ảnh hưởng lợi ích của Công ty, vi phạm pháp luật; d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. <p>3. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; b) Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; c) Một số trường hợp khác mà Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 	
---	---	--

<p>vụ, quyền hạn được giao và khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>- Một số trường hợp khác mà Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị theo quyết định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:</p> <p>Hội đồng quản trị họp đánh giá, kiểm điểm về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Giám đốc. Việc đánh giá này được thực hiện trong các buổi họp Hội đồng quản trị định kỳ.</p> <p>6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:</p> <p>- Khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý của Công ty. Tổng Giám đốc phải báo cáo và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu;</p> <p>- Việc cung cấp thông tin của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải tuân theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.</p> <p>7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát</p>	<p>4. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:</p> <p>Hội đồng quản trị họp đánh giá, kiểm điểm về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Giám đốc. Việc đánh giá này được thực hiện trong các buổi họp Hội đồng quản trị định kỳ.</p> <p>5. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:</p> <p>a) Khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý của Công ty. Tổng Giám đốc phải báo cáo và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu;</p> <p>b) Việc cung cấp thông tin của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải tuân theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.</p> <p>6. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động, kiểm soát, điều hành và giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong pháp luật và Điều lệ công ty;</p>	
---	---	--

	<p>viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động, kiểm soát, điều hành và giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong pháp luật và Điều lệ công ty; - Việc phối hợp này nhằm tránh sự xung đột về quyền và nghĩa vụ, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật. 	<p>b) Việc phối hợp này nhằm tránh sự xung đột về quyền và nghĩa vụ, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật.</p>	
23	<p>Điều 16. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác</p> <p>1. Tiêu chuẩn đánh giá</p> <p>1.1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích thiết thực chính đáng cho các cổ đông, cán bộ công nhân viên và vì sự phát triển của Công ty; 	<p>Sửa đổi Điều 26. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác như sau:</p> <p>1. Tiêu chuẩn đánh giá đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích thiết thực chính đáng cho các cổ đông, cán bộ công nhân viên và vì sự phát triển của Công ty; 	<p>Phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 6 Phụ lục 2 Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

	<p>c) Trung thành lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>1.2. Đối với người điều hành doanh nghiệp khác</p> <p>a) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trung thực;</p> <p>b) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành ở mẫn công việc được phân công phụ trách;</p> <p>c) Gương mẫu trong làm việc và đạo đức lối sống;</p> <p>d) Không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.</p> <p>2. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật</p> <p>Áp dụng theo quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty Phát điện 1 và quy chế chi trả tiền thưởng cho người quản lý Công ty (theo Quy chế quản lý vốn và Người đại diện của Chủ sở hữu - Tổng công ty Phát điện 1 và Quy chế của Công ty).</p> <p>3. Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật</p> <p>Công ty thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng - kỷ luật do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch hội đồng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn thanh niên và cấp trưởng một số bộ phận trong Công ty làm thành viên.</p>	<p>c) Trung thành lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>2. Tiêu chuẩn đối với người điều hành doanh nghiệp khác</p> <p>a) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trung thực;</p> <p>b) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành ở mẫn công việc được phân công phụ trách;</p> <p>c) Gương mẫu trong làm việc và đạo đức lối sống;</p> <p>d) Không bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.</p> <p>3. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật</p> <p>Áp dụng theo Quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty Phát điện 1 và Quy chế chi trả tiền thưởng cho người quản lý Công ty (theo Quy chế quản lý vốn và Người đại diện của Chủ sở hữu - Tổng công ty Phát điện 1 và Quy chế của Công ty).</p> <p>4. Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật</p> <p>Công ty thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng - kỷ luật do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch hội đồng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn thanh niên và cấp trưởng một số bộ phận trong Công ty làm thành viên.</p>	
24	Chương IX BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Chương VII. BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	

25	Điều 18. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin	Điều 27. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin	
26	<p>Điều 19. Công bố thông tin về cơ cấu tổ chức quản lý công ty</p> <p>1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Trong trường hợp Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức.</p>	<p>Sửa đổi Điều 28. Công bố thông tin về cơ cấu tổ chức quản lý công ty</p> <p>1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>2. Trong trường hợp Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức.</p>	
27	Điều 20. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty	Điều 29. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty	
28	Điều 21. Tổ chức công bố thông tin	Điều 30. Tổ chức công bố thông tin	
29	Điều 22. Tổ chức thực hiện	Điều 32. Hiệu lực thi hành	
30	Điều 23. Sửa đổi, bổ sung quy chế	Điều 31. Sửa đổi, bổ sung quy chế	
31	<p>Điều 24. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế này gồm 12 chương, 24 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020 và cùng chấp nhận toàn văn của Quy chế này.</p>	<p>Sửa đổi Điều 32. Hiệu lực thi hành như sau:</p> <p>1. Quy chế này gồm 09 chương, 32 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm 2021 và cùng chấp nhận toàn văn của Quy chế này.</p>	

	2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.	2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.	
--	--	---	--

Số: /TTr-TĐĐHĐ

Lâm Đồng, ngày tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của HĐQT và Ban Kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/5/2020;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty như sau:

1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020

STT	Nội dung	Số người	Thực hiện (đồng)
1.	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	787.599.000
2.	Tiền lương Trưởng Ban Kiểm soát	1	646.248.000
3.	Thù lao Kiểm soát viên	2	258.499.000
	Tổng cộng		1.692.346.000

Bảng chữ: Một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn đồng.

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021

STT	Nội dung	Số người	Kế hoạch (đồng)
1	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	872.520.000
2	Tiền lương Trưởng Ban Kiểm soát	1	720.000.000
3	Thù lao Kiểm soát viên	2	288.000.000
	Tổng cộng		1.880.520.000

Bảng chữ: Một tỷ tám trăm tám mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ TN 2021;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Trọng Oánh

DỰ THẢO TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo các chỉ số cơ bản của báo cáo tài chính năm 2020 như sau:

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	1.949.482	1.467.119
2. Tài sản dài hạn	6.904.028	6.522.793
Tổng cộng tài sản	8.853.510	7.989.912
3. Nợ phải trả	2.723.169	2.244.209
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	6.130.341	5.745.703
Tổng cộng nguồn vốn	8.853.510	7.989.912

Tổng tài sản năm 2020 giảm so với năm 2019 khoảng 863 tỉ đồng, nguyên nhân chủ yếu do tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 khó khăn hơn năm 2019, doanh thu, lợi nhuận giảm khá nhiều làm cho tài sản và vốn chủ sở hữu giảm.

2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020

- Tổng doanh thu: 1.754.954 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 954.357 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 800.597 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 665.296 triệu đồng.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	1.960.440	1.494.459
2. Tài sản dài hạn	7.271.263	6.857.513
Tổng cộng tài sản	9.231.703	8.351.972
1. Nợ phải trả	3.041.734	2.551.926
2. Nguồn vốn chủ sở hữu	6.141.266	5.749.606
3. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	48.703	50.440
Tổng cộng nguồn vốn	9.231.703	8.351.972

2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020

- Tổng doanh thu: 1.819.081 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 1.015.605 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 803.476 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 660.343 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 1.747 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 658.596 triệu đồng.

Chi tiết trình bày tại Báo cáo tài chính đính kèm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Oánh

DỰ THẢO TỜ TRÌNH
Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ban hành ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Hội đồng quản trị Công ty xin ý kiến Đại hội về phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	665.295.881.509	
2	Lợi nhuận các năm trước để lại được phép phân phối	33.834.581.630	
3	Lợi nhuận được phân phối	699.130.463.139	100,00
-	Cổ tức (14% vốn điều lệ)	591.360.000.000	84,59
	<i>Trong đó: đã tạm ứng 14%</i>	<i>591.360.000.000</i>	
-	Quỹ đầu tư phát triển	-	0,00
-	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	574.500.000	0,08
-	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	15.519.096.000	2,22
-	Lợi nhuận để lại	91.704.158.139	13,12

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ thường niên 2020;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Oánh

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020.

Mục I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (sau đây gọi tắt là Công ty).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông và Đại diện cổ đông theo ủy quyền (sau đây gọi tắt là “cổ đông”) tham gia Đại hội, điều kiện và cách thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Mục II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội

a) Cổ đông có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết.

b) Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng Giấy ủy quyền (*theo mẫu quy định*) cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

c) Các cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải xuất trình Thông báo mời họp, giấy tờ tùy thân (Chứng minh thư nhân dân/**Thẻ căn cước công dân** hoặc Hộ chiếu) để hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban Tổ chức Đại hội và nhận một Thẻ biểu quyết có ghi tên cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của mình. Giá trị biểu quyết mà cổ đông đó nắm giữ sẽ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông sở hữu hoặc đại diện.

d) Tại Đại hội, các cổ đông sẽ nghe các báo cáo được nêu trong Chương trình của Đại hội, cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết giơ Thẻ biểu quyết. Những ý kiến của các cổ đông tại Đại hội phải được thảo luận công khai.

e) Cổ đông đến dự Đại hội muộn được đăng ký và sau đó có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

f) Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Các cổ đông tham dự Đại hội muốn phát biểu ý kiến phải tuân theo nguyên tắc và điều kiện sau:

- Được sự chấp thuận của Đoàn Chủ tịch.
- Nội dung phát biểu phải ngắn gọn và phù hợp với chương trình Đại hội.
- Nội dung đề xuất không được vi phạm pháp luật, liên quan đến vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của Đoàn Chủ tịch.
- Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp cùng lúc và Đoàn Chủ tịch trả lời theo từng nội dung cụ thể.
- Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần Thảo luận của Đại hội. Trường hợp ý kiến đề xuất phức tạp, cần nhiều thời gian để trình bày thì cổ đông có thể gửi bằng văn bản đến Ban tổ chức **03** ngày trước khi diễn ra Đại hội.
- Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông lên trình bày ý kiến của mình.
- Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

Cổ đông có các nghĩa vụ theo qui định tại Luật doanh nghiệp và các quy định tại Quy chế này, nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội và sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban Tổ chức Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban Tổ chức Đại hội

Ban Tổ chức Đại hội do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Ban Tổ chức Đại hội có nghĩa vụ thông báo công khai chương trình Đại hội, các nội dung thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cho các cổ đông.

Trưởng Ban Tổ chức Đại hội có trách nhiệm thành lập bộ phận giúp việc đón tiếp, chuẩn bị tài liệu, bố trí chỗ ngồi, phát tài liệu và Thẻ biểu quyết cho các cổ đông có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Trưởng Ban tổ chức Đại hội quyết định.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận giấy tờ của những người đến dự Đại hội xuất trình, kiểm tra đối chiếu, phát tài liệu, Thẻ biểu quyết và báo cáo các loại giấy tờ của cổ đông, đại diện cổ đông đến họp, sau đó phát các tài liệu, các phiếu bầu cử và các Thẻ biểu quyết.

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông phải báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch và Thư ký Đại hội

1. Đoàn Chủ tịch

Đoàn Chủ tịch là các thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa Đại hội.

Quyết định của Đoàn Chủ tịch về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông mang tính phán quyết cao nhất.

Đoàn Chủ tịch tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tịch đoàn cũng có thể quyết định hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tịch đoàn quyết định nếu nhận thấy rằng:

- a) Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
- b) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

2. Thư ký Đại hội



CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN ĐÀ NHIM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn ; website: www.dhd.com.vn

Thư ký Đại hội do Đoàn Chủ tịch đề cử, Thư ký đại hội thực hiện các công việc theo phân công của Đoàn Chủ tịch, gồm:

- a) Nhận góp ý của các cổ đông; đếm thẻ biểu quyết (Thu thẻ sau khi cổ đông giơ thẻ nếu chủ tịch đoàn yêu cầu), tổng hợp và nộp cho Chủ tịch đoàn;
- b) Tổng hợp ý kiến trình Chủ tịch đoàn;
- c) Lập biên bản và Nghị quyết Đại hội;
- d) Phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong biên bản và Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên.

Mục III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội đồng cổ đông thường niên được tiến hành khi có số cổ đông (kể cả đại diện cổ đông) dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội

Đại hội cổ đông thường niên sẽ lần lượt nghe các báo cáo theo chương trình của Đại hội và thảo luận biểu quyết thông qua các báo cáo này.

Việc biểu quyết thông qua từng nội dung trong Đại hội được thực hiện theo Quy định thể lệ biểu quyết.

Điều 9. Nghị quyết và Biên bản Đại hội

Tất cả nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản và Nghị quyết của Đại hội. Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

Mục IV

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 10. Mọi vấn đề về tổ chức Đại hội, trì hoãn hay triệu tập lại đều được thực hiện theo Điều lệ Công ty.

Điều 11. Chi phí cho việc đi lại, ăn nghỉ của các cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi do các cổ đông tự túc.

Mục V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Quy chế này gồm 5 chương, 12 điều, được Ban Tổ chức Đại hội thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2021 và có hiệu lực để thực hiện công tác chuẩn bị và tiến hành tổ chức Đại hội./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Trọng Oánh

**QUY ĐỊNH THẺ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22 tháng 5 năm 2020.

**BAN TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

QUY ĐỊNH:

Thông qua Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

1. Các nội dung thông qua biểu quyết

Tất cả Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty như: cử Thư ký Đại hội, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, sửa đổi Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị... và các nghị quyết, quyết định khác đều phải được biểu quyết công khai và trực tiếp.

2. Quy định về thẻ biểu quyết

a) Phát thẻ biểu quyết

Sau khi đăng ký và có mặt tham dự Đại hội, mỗi cổ đông/đại diện cổ đông sẽ được cấp một Thẻ biểu quyết có ghi mã số cổ đông, tên cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu và được ủy quyền. Cổ đông/đại diện cổ đông kiểm tra các thông tin trên mặt thẻ.

Cổ đông/đại diện cổ đông đã nhận Thẻ biểu quyết có nghĩa vụ tham gia biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Trước khi biểu quyết các nội dung của Đại hội, Cổ đông/đại diện cổ đông cần đọc kỹ Quy định thể lệ biểu quyết này.

b) Thẻ biểu quyết

Dùng để biểu quyết thông qua các nội dung liên quan đến phương thức điều hành, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm:

- Thư ký Đại hội, Ban kiểm tra kết quả biểu quyết;
- Chương trình Đại hội;
- Quy chế tổ chức Đại hội;
- Quy định Thẻ lệ biểu quyết.
- Biểu quyết thông qua các nội dung chính của Đại hội, gồm:
 - + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch năm 2021;
 - + Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị công ty năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021;
 - + Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
 - + Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;
 - + Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động công ty;
 - + Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - + Tiền lương thù lao thực hiện năm 2020 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của người quản lý Công ty;
 - + Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;
 - + Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
 - + Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Thẻ hợp lệ

Là thẻ do Ban kiểm phiếu phát ra, trên thẻ có đóng dấu của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, có đầy đủ họ tên của cổ đông, mã số cổ đông, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông/đại diện cổ đông và nộp lại cho Ban kiểm phiếu khi có yêu cầu. Các trường hợp phiếu bị tẩy xóa, rách nát và không theo quy định trên thì được coi là không hợp lệ.

3. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội chỉ có giá trị khi có từ 51% trở lên so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

4. Thẻ lệ biểu quyết

a) Thẻ biểu quyết dùng để biểu quyết tất cả các vấn đề tại Đại hội bằng phương pháp giơ thẻ.

b) Đối với biểu quyết thông qua các nội dung liên quan đến phương thức điều hành, tổ chức Đại hội: Khi biểu quyết các cổ đông phải giơ cao Thẻ biểu quyết. Ban Kiểm tra kết quả biểu quyết sẽ trực tiếp đếm số thẻ đồng ý trước, sau đó đếm số thẻ không đồng ý và cuối cùng đếm số thẻ không có ý kiến để Chủ tọa quyết định.

c) Đối với biểu quyết thông qua các nội dung chính của Đại hội: Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết bằng việc giơ Phiếu biểu quyết cho một trong ba lựa chọn: “**Tán thành**”, “**Không tán thành**” và “**Không có ý kiến**”. Cổ đông không được có hai hoặc ba ý kiến khác nhau trong cùng một vấn đề. Thẻ biểu quyết sẽ được thu lại và lưu trữ cùng bộ hồ sơ Đại hội.

5. Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Trọng Oánh

DỰ THẢO BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Tên Công ty: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Mã chứng khoán: DNH

Thời gian: giờ phút, ngày xx/04/2020.

Địa điểm: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Số 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Phần I

GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Người báo cáo: Ông Lê Xuân Phong - Chức vụ: Phó Phòng Tài chính và Kế toán Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (ĐHĐ).

Nội dung báo cáo:

Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ xxxx cổ đông sở hữu 422.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt đến 16 giờ 30 phút ngày 25/03/2021.

Vào lúc xx giờ xx phút, cổ đông và người được ủy quyền tham dự đại hội là xxxx đại biểu, đại diện cho xxxxxxxx cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm xx,xx % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

II. GIỚI THIỆU ĐOÀN CHỦ TỊCH, THƯ KÝ ĐẠI HỘI, BAN KIỂM TRA KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

1. Đoàn Chủ tịch

- Ông Nguyễn Trọng Oánh, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa đại hội;
- Ông Lê Văn Quang, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Thành viên;

- Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy viên HĐQT, P. Tổng Giám đốc - Thành viên.

2. Ban Thư ký Đại hội:

- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Thư ký HĐQT - Trưởng Ban Thư ký Đại hội.

- Bà Lê Đặng Hoàng Phương, chuyên viên Phòng Tài chính và Kế toán - Thành viên.

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Ban Thư ký Đại hội với tỷ lệ đồng ý xxx%.

3. Ban Kiểm tra kết quả biểu quyết:

- Ông Lê Xuân Phong, PP.TCKT - Trưởng Ban;

- Ông Đặng Như Tấn, chuyên viên Phòng Hành chính và Lao động - Thành viên;

- Bà Bùi Nghiêm Ngọc Minh, chuyên viên Phòng Hành chính và Lao động - Thành viên.

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Ban Kiểm tra kết quả biểu quyết với tỷ lệ đồng ý xxx%.

III. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI, QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI, QUY ĐỊNH THỂ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Thư ký đại hội trình bày Chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội, Quy định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và xin ý kiến của Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình Đại hội, các Quy chế tổ chức Đại hội, Quy định thể lệ biểu quyết với tỷ lệ đồng ý xxx%.

Phần II

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY NỘI DUNG CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH

1. Ông Đỗ Minh Lộc, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

2. Ông Lê Văn Quang, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về tình hình quản trị Công ty năm 2020 và Kế hoạch hoạt động năm 2021.

3. Ông Hoàng Văn Long, thành viên Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021; Tờ trình lựa chọn công ty kiểm

toán Báo cáo tài chính năm 2021; Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

4. Bà Phạm Thị Hồng Hà - Kế toán trưởng trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2020; Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020.

5. Ông Trịnh Quang Tiến Phước - Phó Phòng Hành chính và Lao động trình bày Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của HĐQT và BKS; Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ công ty; Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT; Tờ trình thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Phần III

Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Các cổ đông đã thảo luận và thống nhất tiến hành biểu quyết toàn bộ nội dung được trình bày tại Đại hội, kết quả biểu quyết được ghi nhận tại Phần IV của Biên bản này.

Phần IV

KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT

STT	Các nội dung biểu quyết	Kết quả biểu quyết
1.	<p>Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2010 và kế hoạch năm 2021:</p> <p>1. Kết quả hoạt động SXKD-ĐTXD năm 2020:</p> <p>a) Kết quả hoạt động SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sản lượng điện sản xuất: 2.515,7 triệu kWh.- Sản lượng điện thương phẩm: 2.496,5 triệu kWh.- Tổng doanh thu: 1.754.954 triệu đồng.- Tổng chi phí: 954.357 triệu đồng;- Tổng lợi nhuận trước thuế: 800.597 triệu đồng.- Lợi nhuận sau thuế: 665.296 triệu đồng.- Cổ tức: 14%.	<ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ đồng ý: 100%- Tỷ lệ không đồng ý: 0%- Tỷ lệ không có ý kiến: 0%

	<p>b) Kết quả ĐTXD-ĐTPT: Giá trị thực hiện 119.389 triệu đồng.</p> <p>2. Kế hoạch SXKD - Tài chính - ĐTXD năm 2021:</p> <p>a) Kế hoạch SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản lượng điện sản xuất: 2.438,0 triệu kWh. - Sản lượng điện thương phẩm: 2.415,3 triệu kWh. - Tổng doanh thu: 1.702.240 triệu đồng. - Tổng chi phí: 1.032.852 triệu đồng. - Tổng lợi nhuận trước thuế: 669.388 triệu đồng. - Tổng lợi nhuận sau thuế: 535.510 triệu đồng - Cổ tức:14%. <p>b) Kế hoạch ĐTXD: 143.263 triệu đồng.</p> <p>c) Kế hoạch ĐTPT: 26.945 triệu đồng.</p>	
2.	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản lý Công ty năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020.	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ đồng ý: 100% - Tỷ lệ không đồng ý: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
3.	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ đồng ý: 100% - Tỷ lệ không đồng ý: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
4.	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ đồng ý: 100% - Tỷ lệ không đồng ý: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
5.	<p>Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020. Tổng lợi nhuận được phân phối là 699.130.463.139 đồng. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ tức (14%) : 591.360.000.000 đồng. - Quỹ đầu tư phát triển: 0 đồng. - Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty: 547.209.000 đồng. - Quỹ khen thưởng phúc lợi: 15.519.096.000 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ đồng ý: 100% - Tỷ lệ không đồng ý: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%

	đồng. - Lợi nhuận để lại: 91.704.158.139 đồng.	
6.	Tiền lương thù lao thực hiện năm 2010 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của người quản lý Công ty, chi tiết như sau: - Thực hiện năm 2020: 4.722.454.000 đồng. - Kế hoạch năm 2021: 4.940.772.000 đồng.	- Tỷ lệ đồng ý: 100% - Tỷ lệ không đồng ý: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
7.	Thông qua phương án lựa chọn Công ty TNHH KPMG để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.	- Tỷ lệ đồng ý: 100% - Tỷ lệ không đồng ý: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
8.	Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty	- Tỷ lệ đồng ý: 100% - Tỷ lệ không đồng ý: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
9.	Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	- Tỷ lệ đồng ý: 100% - Tỷ lệ không đồng ý: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
10.	Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	- Tỷ lệ đồng ý: 100%
11.	Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát	- Tỷ lệ không đồng ý: 0%

Phần V

THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Trình bày Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Trưởng Ban Thư ký Đại hội trình bày Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100%.

2. Phát biểu bế mạc Đại hội



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; website: www.dhd.com.vn

Vào lúc xx giờ xx cùng ngày, ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tọa Đại hội đã tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Biên bản này được lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nguyễn Trọng Oánh

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Lê Đặng Hoàng Phương

Nguyễn Ngọc Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; website: www.dhd.com.vn

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 27 tháng 4 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) - Tài chính - đầu tư xây dựng (ĐT XD) năm 2020 và kế hoạch SXKD - Tài chính - ĐT XD năm 2021 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Kết quả hoạt động SXKD - Tài chính - ĐT XD năm 2020

STT	Nội dung	Thực hiện	Đơn vị tính
1	Sản lượng điện sản xuất	2.515,7	Tr.kWh
2	Sản lượng điện thương phẩm	2.496,5	Tr.kWh
3	Tổng doanh thu	1.754.954	Triệu đồng
4	Tổng chi phí	954.357	Triệu đồng
5	Lợi nhuận trước thuế	800.597	Triệu đồng
6	Lợi nhuận sau thuế	665.296	Triệu đồng
7	Cổ tức	14	%
8	Đầu tư xây dựng - ĐTPT	119.389	Triệu đồng

2. Kế hoạch SXKD - Tài chính - ĐT XD năm 2021

STT	Nội dung	Kế hoạch	Đơn vị tính
1	Sản lượng điện sản xuất	2.438,0	Tr.kWh
2	Sản lượng điện thương phẩm	2.415,3	Tr.kWh

3	Tổng doanh thu	1.702.240	Triệu đồng
4	Tổng chi phí	1.032.852	Triệu đồng
5	Lợi nhuận trước thuế	669.388	Triệu đồng
6	Lợi nhuận sau thuế	535.510	Triệu đồng
7	Cổ tức	14%	%
8	Đầu tư xây dựng	143.263	Triệu đồng
9	Đầu tư phát triển	26.945	Triệu đồng

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về tình hình quản trị Công ty năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

(ĐVT: Đồng)

STT	Nội dung	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	665.295.881.509	
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	33.834.581.630	
3	Phân phối lợi nhuận	699.130.463.139	100,00
a)	Cổ tức (14%)	591.360.000.000	
	<i>Trong đó: Đã tạm ứng 14%</i>	591.360.000.000	84,59
b)	Quỹ Đầu tư phát triển	-	-
c)	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	547.209.000	0,08
d)	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	15.519.096.000	2,22
e)	Lợi nhuận để lại	91.704.158.139	13,12

Điều 6. Thông qua tiền lương thù lao thực hiện năm 2010 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 của Người quản lý Công ty, chi tiết như sau:

- Thực hiện năm 2020: 4.722.454.000 đồng.
- Kế hoạch năm 2021: 4.940.772.000 đồng.

Điều 7. Thông qua phương án lựa chọn Công ty TNHH KPMG để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

Điều 8. Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty.

Điều 9. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 10. Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 11. Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo chức năng nhiệm vụ của mình, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Trọng Oánh